PHẦN I. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 31/2011/TT-BNNPTNT	*Hà Nội, ngày 21 tháng 4 năm 2011*

THÔNG TƯ

Ban hành Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam

Căn cứ Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 75/2009/NĐ-CP ngày 10/9/2009 của Chính phủ về việc sửa đổi Điều 3 Nghị định số 01/2008/NĐ-CP ngày 03/01/2008 của Chính phủ;

Căn cứ Pháp lệnh Thú y ngày 29/4/2004;

Căn cứ Nghị định số 33/2005/NĐ-CP ngày 15/3/2005 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Thú y,

Điều 1. Ban hành kèm theo Thông tư này

1. Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam.

2. Danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam đến 31/12/2011.

Điều 2. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký, thay thế Thông tư số 18/2010/TT-BNNPTNT ngày 02/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc ban hành danh mục thuốc thú y được phép lưu hành tại Việt Nam.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Cục trưởng Cục Thú y, Vụ trưởng Vụ Khoa học công nghệ và Môi trường, Thủ trưởng các cơ quan có liên quan, tổ chức, cá nhân trong nước, ngoài nước có hoạt động liên quan đến sản xuất, kinh doanh, sử dụng thuốc thú y tại Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Diệp Kinh Tần

DANH MỤC THUỐC THÚ Y ĐƯỢC PHÉP LƯU HÀNH TẠI VIỆT NAM

(Ban hành kèm theo Thông tư số 31/2011/TT-BNNPTNT ngày 21 tháng 4 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

A. DANH MỤC THUỐC THÚ Y SẢN XUẤT TRONG NƯỚC

HÀ NỘI

1. Công ty cổ phần thuốc thú Y TW I (VINAVETCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	B.complex for oral	Vitamin nhóm B	Gói	30g; 100g	Tăng cường trao đổi chất, kích thích sinh trưởng, chống nóng, giải độc	TWI-X3-3
2	Tylosin tartrate 98%	Tylosin tartrate	Gói	0,5; 20; 50; 100g	Trị hen suyễn, CRD, hồng lỵ, viêm phổi, viêm xoang	TWI-X3-7
3	AD Polyvix	Vitamin A, D, E, B	Gói	200g	Tăng cường trao đổi chất, kích thích lợn nái tiết sữa, tăng trọng	TWI-X3-9
4	ADE B.complex	Vitamin A, D, E, B	Gói	150; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Kích thích tiết sữa, tăng trọng, tăng sản lượng trứng	TWI-X3-15
5	Neo-te-sol	Neomycin, Oxytetracyclin	Gói	10, 25, 50, 100g 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm ruột, E.coli, PTH, bạch lỵ, phân trắng lợn con, CRD, viêm phổi	TWI-X3-16

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
6	Terramycin 500	Tetracyclin; Viatmin A,D,E	Gói	5g	Trị CRD, viêm ruột, tiêu chảy, THT	TWI-X3-36
7	Ampisultryl	Ampicillin, Sulfadiazin	Gói	5, 10, 50g	Điều trị nhiễm khuẩn đường ruột, đường hô hấp, đường sinh dục	TWI-X3-38
8	Tylosin tartrate 50%	Tylosin tartrate	Gói	10, 25, 50, 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị hen gà, suyễn lợn, viêm đường hô hấp.	TWI-X3-39
9	Sulmix-plus	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Gói	10, 20, 100g	Trị viêm phổi, sưng phù đầu gà, hội chứng tiêu chảy, liên cầu, viêm xoang	TWI-X3-40
10	Rigecoccin	Rigecoccin	Gói	10g	Trị cầu trùng gia súc, gia cầm	TWI-X3-42
11	Tiamulin	Tiamulin	Gói	20, 50, 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị CRD, viêm phổi truyền nhiễm, hồng lỵ, tụ huyết trùng	TWI-X3-57
12	Stress-bran	Vitamin, nguyên tố vi lượng	Gói	100; 200; 500g 1; 2; 5; 10kg	Tăng sức đề kháng, chống stress	TWI-X3-60
13	Neox	Oxytetracyclin, Neomycin sulfate	Gói	100g	Trị viêm ruột ỉa chảy, E.coli, PTH, bạch lỵ, phân trắng lợn con, CRD, viêm phổi	TWI-X3-61
14	Neoxin	Oxytetracyclin, Neomycin sulfate	Gói	100g	Trị viêm ruột ỉa chảy, E.coli, PTH, bạch lỵ, phân trắng lợn con, CRD, viêm phổi	TWI-X3-62

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
15	Điện giải+ Bcomplex	Vitamin, chất điện giải	Gói	100, 200g 500g; 1; 2; 5; 10kg	Bù điện giải, chống nóng, giải độc	TWI-X3-86
16	Ampicoli fort	Ampicilin, Colistin	Gói	20, 50, 100g	Trị CRD, viêm phổi, E.coli, phó thương hàn, viêm tử cung	TWI-X3-100
17	Bactrim fort	Tylosin, Sulfadiazin	Gói	20, 50, 100, 500g	Trị viêm xoang, Coli bại huyết, tụ huyết trùng, đóng dấu	TWI-X3-101
18	Thuốc Gumboro	Flumequine, Paracetamol	Gói	10, 20, 50, 100g	Dùng kết hợp trong điều trị bệnh Gumboro	TWI-X3-105
19	Tetramysol	Levamisol	Gói	2g	Tẩy giun tròn	TWI-X3-157
20	Zusavet	Levamisol HCL	Gói	5, 10, 20, 50, 100g	Tẩy giun tròn	TWI-X3-173
21	Vitamin B_1	Vitamin B_1	Gói	100, 500, 1000g	Trị viêm dây thần kinh, rối loạn tiêu hóa, nhiễm độc, kích thích tăng trưởng	TWI-X3-182
22	Vitamin C	Vitamin C	Gói	100, 500, 1000g	Trị suy nhược cơ thể, nhiễm độc, stress, tăng cường trao đổi chất	TWI-X3-183
23	Glucosa	Glucosa	Gói	100; 500g, 1; 5kg	Chống nóng, giải độc, cơ thể suy nhược	TWI-X3-184
24	Tetracyclin	Tetracyclin	Gói	100, 500, 1000g	Trị viêm phổi, viêm phế quản phổi, E.coli, tiêu chảy, kích thích tăng trưởng	TWI-X3-185

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
25	Vinateri	Doxycyclin hyclat, Tylosin tartrat	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy ở lợn bê, ghé, dê, cừu gia cầm: CRD, CCRD, THT, Phó thương hàn, phân trắng, phân xanh	TWI-X3-2
26	Ugavina	Colistin sulphat, Amoxicilin trihydrat, Vitamin B_1, HCL	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị CRD, Sổ mũi truyền nhiễm, viêm dạ dày - ruột ở gia cầm	TWI-X3-11
27	Vinaderzy	Erythromycin thiocyanat, Colistin sulphat	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị CRD, Viêm sổ mũi truyền nhiễm, THT cho gia cầm, thuỷ cầm	TWI-X3-41
28	Vinacol	Colistin sulphat, Amoxicilin trihydrat	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh đường ruột gây ra bởi E.coli, Salmonella, Cl. Campylobacter ở gia cầm, lợn, bê, nghé, dê, cừu	TWI-X3-43
29	Vinacosul	Colistin sulphat, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Phòng, trị bệnh do E.coli, Proteus, Staphylococcus, A. aerogenus, Salmonella cho gia cầm, lợn, thỏ, bê, nghé, dê, cừu	TWI-X3-44
30	Tetamedin	Oxytetracyclin, Sulfadimidin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm dạ dày ruột trên bê, nghé, lợn, dê non, cừu non	TWI-X3-37

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
31	Anti-CRD	Spiramycin, Bromhexin Trimethoprim,	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh tụ huyết trùng, suyễn, viêm phổi, phó thương hàn trên gia súc, gia cầm	TWI-X3-58
32	Vinacoc.ACB	Sulfachlozin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị cầu trùng trên gia cầm	TWI-X3-64
33	Antidiarrhoea	Colistin, Neomycin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm nhiễm dạ dày - ruột trên lợn con, bê, nghé, gia cầm	TWI-X3-75
34	Anticoccid	Diaveridin, Sulfaquinoxalin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, cầu trùng trên gia cầm	TWI-X3-82
35	Colivinavet	Oxytetracyclin, Neomycin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn do VK nhạy cảm Oxytetracyclin, Neomycin trên lợn, bê, nghé, gia cầm	TWI-X3-85
36	Gentacosmis	Sulfadimidin, Trimethoprim,	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị viêm đường hô hấp, viêm ruột, hội chứng MMA trên lợn, gia cầm	TWI-X3-141
37	Trị khẹc vịt	Colistin, Erythromycin, Bromhexin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm đa khớp trên gia cầm	TWI-X3-142
38	Tiêu chảy heo	Colistin, Sulfaguanidin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị các bệnh đường ruột trên heo	TWI-X3-143
39	Coxidin	Sulphquinoxalin Diaveridin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa và bệnh cầu trùng trên gia cầm	TWI-X3-17

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
40	Colispyrin	Spiramycin Colistin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn mẫn cảm với Spyramycin và Colistin gây ra	TWI-X3-161
41	Trisulfon depot	Sulfadimidine, Sulfaguanidine, Bismuth nitrat	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimidine và Sulfagua-nidine trên bê, ngựa, lợn con	TWI-X3-59
42	Ceftiofur	Ceftiofur	Lọ, hộp	1; 50; 100g	Trị nhiễm khuẩn nhạy cảm với ceftiofur	TWI-X3-193
43	Trisulfon-Depot	Sulfamonomethox in sodium	Gói	10; 20; 50; 100; 500g	Trị sổ mũi truyền nhiễm, cầu trùng, tiêu chảy, viêm phổi trên trâu, bò, lợn, gia cầm	TWI-X3-200
44	Vinatral	Levamisole, Niclosamide	Vỉ	6 viên	Trị giun sán cho chó, mèo	TWI-X3-206
45	Vinaflor 4%	Florfenicol	Gói	20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp trên lợn	TWI-X3-208
46	Gentalylodex oral	Gentamycin sulfate; Tylosin tatrate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa: viêm phổi, viêm màng phổi, CRD, CCRD, tụ huyết trùng, viêm ruột, T.G.E, ỉa chảy, thương hàn do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycin và Tylosin gây ra trên trâu, bò, dê, lợn, gia cầm	TWI-X3-209

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
47	Vina-poultry	Fosfomycin sodium Tylosin tartrat	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1kg.	Trị viêm xoang mũi truyền nhiễm, tụ huyết trùng trên gia cầm	TWI-X3-212
48	Penicillin G potassium	Penicillin G potassium	Lọ	1; 2; 3; 4; 5; 10tr UI 800.000UI	Trị bệnh do vi khuẩn Gr (+) như đóng dấu, tỵ thư ngựa, viêm phổi, màng phổi, lepto	TWI-X3-4
49	Streptomycin sulphate	Streptomycin sulfate	Lọ	1; 2; 3; 4; 5; 10g	Trị sẩy thai truyền nhiễm, đường ruột, THT, listeriosis, viêm màng phổi	TWI-X3-5
50	Ampicillin 500	Ampicillin	Lọ	0,5g	Trị viêm phổi, viêm phế quản-phổi, E.coli, phó thương hàn, tụ huyết trùng	TWI-X3-18
51	Oxytetracyclin HCL BP	Oxytetracyclin	Lọ	0,5g	Trị viêm phổi, viêm phế quản-phổi, viêm phổi truyền nhiễm, lepto, PTH	TWI-X3-24
52	Kanamycin sulphat	Kanamycin sulfate	Lọ	1g	Trị tụ cầu khuẩn, nhiệt thán, viêm phổi, E.coli, viêm phúc mạc	TWI-X3-30
53	Azidin	Diminazen, Diaceterat	Lọ	1g	Trị tiên mao trùng, lê dạng trùng, tê lê trùng, huyết bào tử trùng	TWI-X3-56
54	Ampi-Kana	Ampicillin sodium, Kanamycin sulfat	Lọ	1g, 50ml, 100ml	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, E.coli, viêm khớp	TWI-X3-66

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
55	Pen-strep	Penicillin G, Streptomycin	Lọ	1; 1,5; 2; 3; 4; 5; 10 trUI	Trị THT, viêm phổi, đóng dấu, Lepto	TWI-X3-73
56	Pen-Kana	Kanamycin, Penicilin	Lọ	0,5g Kana 500.000UI Peni	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, nhiệt thán, uốn ván, đóng dấu	TWI-X3-96

2. Công ty cổ phần dược và vật tư Thú y (Hanvet)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Penicillin G	Penicillin G potassium	Lọ	1; 2; 3; 4; 5; 10 tr. IU	Chữa nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr (+)	TW-X_2-1
2	Streptomycin	Streptomycin sulfate	Lọ	1; 2; 3; 4; 5; 10gr	Chữa nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr (-)	TW-X_2-2
3	Hanoxylin® 10% Hanoxylin® LA	Oxytetracyclin	Lọ	10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Chữa nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr(+), Gr(-), Xoắn khuẩn, Mycoplasma	TW-X2-3
4	Gentamicin	Gentamicin sulfate	Ống; lọ	5ml;5ml, 20,50,100ml	Chữa nhiễm khuẩn gây ra do vi khuẩn Gr (+), Gr (-)	TW-X_2-4
5	Ampicillin-500 Ampicillin-1000	Ampicillin sodium	Lọ	50,100,500 mg	Chữa nhiễm khuẩn gây ra do vi khuẩn Gr (+), Gr (-)	TW-X_2-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
6	Pen-Strep	Penicillin G potassium, Streptomycin sulfate	Lọ	1,5; 2; 3; 4; 10g	Chữa nhiễm khuẩn gây ra do vi khuẩn Gr (+), Gr (-)	TW-X_2-6
7	Tylosin tartrate	Tylosin tartrate	Lọ Gói	500 mg; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 50; 100; 500 g; 1kg	Chữa bệnh đường hô hấp, tiêu hóa do xoắn khuẩn, Mycoplasma	TW-X_2-7
8	Tetracan-100	Tetracyclin HCL	Gói	100g	Chữa nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr (+), Gr (-)	TW-X_2-8
9	Chlortiadexa	Chlortetracyclin HCL Tiamulin HF, Dexa	Ống, lọ	5ml, 10ml, 100ml	Chữa nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr (+), Gr (-), Mycoplasma	TW-X_2-9
10	Vitamycin	Doxycyclin, Vitamin B, C	Gói	5, 6, 10, 50, 100g	Phòng và chữa các bệnh ở đường tiêu hóa	TW-X_2-12
11	Sulmepy	Sulfadimidin sodium	Lọ	1 g	Trị các bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa	TW-X_2-13
12	Trypamidium	Trypamidium	Lọ	150 mg	Phòng và chữa bệnh ký sinh trùng đường máu	TW-X_2-14
13	Kanamycin	Kanamycin sulfate	Lọ	1; 2; 3; 4; 5; 10g	Chữa nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr (+), Gr (-)	TW-X_2-15
14	Mebendazol 10%	Mebendazol	Gói	4 g, 100g, 500 g	Thuốc tẩy giun tròn và sán dây	TW-X_2-16

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
15	B-complex	Vit. B_1, B_6, B_2, PP, B_5, B_{12}	Lọ, gói	30 g; 100, 500, 1kg	Phòng và chữa bệnh thiếu vitamin nhóm B	TW-X_2-17
16	ADE-tan trong nước	Vitamin A, D_3, E	Gói	100; 500 g; 1kg	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin A, E, D_3	TW-X_2-18
17	Nước cất tiêm	Nước cất hai lần	Ống; chai	5ml; 100, 500ml	Nước cất pha tiêm	TW-X_2-21
18	Vitamin B_1 2,5%	Vitamin B_1 HCL	Ống; lọ	5ml; 100ml	Phòng và chữa bệnh thiếu vitamin B_1, phù nề, kích thích sinh trưởng	TW-X_2-22
19	Vitamin C 5%	Acid ascorbic	Ống	5ml,	Phòng, trị bệnh thiếu vit C, chống nóng, stress	TW-X_2-23
20	Vit. B-complex	Vit. B_1, B_2, PP, B_6, B_{12}	Ống; lọ	2, 20, 100ml	Phòng, tri bệnh do thiếu vitamin nhóm B	TW-X_2-24
21	Azidin (Berenil)	Diminazen aceturat	Lọ	1,18g	Thuốc trị ký sinh trùng đường máu	TW-X_2-25
22	AD_3 EC hydrovit	Vitamin A, D, E và C	Lọ	100ml	Phòng, trị bệnh do thiếu vit A, E, D_3	TW-X_2-26
23	Han-Ne-Sol	Neomycin, Oxytetracyclin	Lọ, gói	25g; 50g	Trị bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa, hô hấp	TW-X_2-27
24	Kanamycin 10%	Kanamycin sulfate	Ống; lọ	5; 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr (+), Gr (-)	TW-X_2-28
25	Tylovit-C	Tylosin, Vitamin C	Gói	50; 100; 500g; 1kg	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, tiêu hóa	TW-X_2-29

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
26	Han-D.O.Clor	Doxycyclin HCL, Colistin sulfate, Dexamethason	Lọ	20ml, 100ml	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa	TW-X_2-30
27	Cafein natri benzoat 20%	Cafein natri benzoat	Ống	5; 10; 20; 50; 100ml	Chữa bệnh yếu tim mạch. Kích thích hệ thần kinh trung ương	TW-X_2-31
28	Pilocarpin 1%	Pilocarpin	Ống	5ml	Chữa liệt dạ cỏ, chướng bụng	TW-X_2-32
29	Strychnin-B_1	Strychnin, Vitamin B_1	Ống	2ml, 5ml	Tăng phản xạ thần kinh, trương lực cơ, kích thích nhu động ruột, dạ dày	TW-X_2-33
30	Tylo-D.C	Tylosin tartrate, Chlortetracyclin HCL, Dexa,	Lọ	20; 100ml	Phòng và chữa các bệnh truyền nhiễm thường gặp ở đường hô hấp, tiêu hóa	TW-X_2-34
31	Septotryl 33%	Sulfamethoxypiri dazin, TMP	Lọ	100ml	Phòng và chữa bệnh ở đường tiêu hóa	TW-X_2-35
32	Trimethoxazol 24%	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Lọ	5ml,	Phòng và chữa bệnh ở đường tiêu hóa	TW-X_2-36
33	Hangen-tylo	Gentamycin, Tylosin	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, tiêu hóa	TW-X_2-37
34	Novocain 3%	Novocain	Ống	5ml	Gây tê cục bộ	TW-X_2-38
35	Vitamin B_{12}	Vitamin B_{12}	Ống	2ml, 500 mcg 2ml, 1000 mcg	Phòng và chữa các bệnh do thiếu vitamin B_{12}	TW-X_2-39
36	Atropin 0,1%	Atropin sulfate	Ống, lọ	2, 10, 20, 50, 100ml	Giải độc, chống nôn. Giảm tiết dịch, kích thích thần kinh TW, giảm đau	TW-X_2-40

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
37	Analgin 30%	Methamisol	Ống; Lọ	2ml, 5ml; 50, 100, 250, 500ml	Chữa các chứng chướng bụng, đầy hơi, chữa cảm nắng, cảm nóng, sốt	TW-X_2-41
38	Long não nước	Natri camphosulfonate	Ống	5ml	Trợ tim, kích thích hô hấp	TW-X_2-42
39	Oxytetracyclin	Oxytetracyclin HCL	Lọ	500 mg; 1; 2; 3; 4; 5; 10g	Trị các bệnh do vi khuẩn Gr (+) và Gr (-).	TW-X_2-44
40	Tiamulin 10%	Tiamulin hydrofumarate	Ống, lọ	10, 20, 50, 100 250, 500ml	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, bệnh hồng lỵ ở lợn	TW-X_2-47
41	Levasol 7,5%	Levamysol HCL	Ống; lọ	5ml; 10, 20, 50, 100, 500ml	Thuốc tẩy giun tròn ký sinh đường tiêu hóa, hô hấp	TW-X_2-48
42	Vit. ADE tiêm	Vitamin A, D_3, E	Ống; Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Phòng và chữa bệnh thiếu vit A,E, D_3	TW-X_2-50
43	Hansuvil-5; 10	Spiramycin adipinate	Ống; lọ	10; 20; 50; 100ml	Chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp	TW-X_2-52
44	Tiamulin	Tiamulin HF	Lọ	1 g	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, bệnh hồng lỵ ở lợn	TW-X_2-53
45	Tiamulin 10%	Tiamulin HF	Gói	20g, 100, 500g 1000g	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, bệnh hồng lỵ ở lợn	TW-X_2-54
46	Costrim 48%	Sulfadimidin sodium Trimethoprin	Gói	20g	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa	TW-X_2-55

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
47	Hancotmix®-forte	Sulfachlorpyri-dazin, Trimethopin	Gói	20g	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa	TW-X_2-59
48	Hamcoli®-forte	Amoxycillin, Vit C Colistin sulfate	Gói	10, 50, 100, 500, 1000g	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa	TW-X_2-60
49	Rigecoccin-W.S	Clopidol	Gói	10, 50, 100, 500g	Thuốc trị bệnh cầu ký trùng ở gà	TW-X_2-63
50	Hantril®-100	Norfloxacin HCL	Ống, chai	10ml; 100ml	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa, hô hấp	TW-X_2-65
51	Hantril®-50	Norfloxacin HCL	Ống; lọ	5ml; 10ml, 100ml	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, tiêu hóa	TW-X_2-66
52	Anti-Gumboro	Dược chất thảo mộc	Ống; lọ	10ml, 100ml	Phòng và trị Gumboro	TW-X_2-68
53	HanEba® 30%	Sulfachlorpyridazin	Gói	20; 100; 150; 500g; 1kg	Phòng và trị cầu trùng, thương hàn, ỉa chảy	TW-X_2-69
54	Dexa-tiêm	Dexamethason	Ống	2ml	Trị aceton, keton huyết; bại liệt, co giật sau đẻ, chống stress. Các chứng viêm nhiễm	TW-X_2-72
55	Thuốc điện giải	NaCl, KCl, $NaHCO_3$, Vit. A, D_3, Dextrose	Gói	100, 500, 1000g	Cung cấp chất điện giải trong các trường hợp ỉa chảy mất nước, stress	TW-X_2-73

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
56	Tia-Tetralin	Tiamulin, Chlortetracyclin	Gói; lon	20g; 100g	Trị bệnh ở đường hô hấp, tiêu hóa, hồng lỵ	TW-X_2-74
57	Ampi-Kana	Ampicillin sodium Kanamycin sulfate	Lọ	1; 1,5; 2;. 3; 4g	Chữa các bệnh do vi khuẩn Gr (+), Gr (-)	TW-X_2-76
58	Lincomycin 10%	Lincomycin HCL	Ống; lọ	5ml; 20; 50; 100ml	Chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu-sinh dục	TW-X_2-78
59	Multivit-forte	Vit. A, D, E, B_1, B_2, B_5, B_6, B_{12}, PP	Lọ	20ml, 100ml	Bổ sung các vitamin cần thiết cho cơ thể, nâng cao sức đề kháng	TW-X_2-81
60	Colidox plus	Doxycyclin, Colistin, Vit.A, D_3, E, B_1, B_2, B_5, B_{12}, PP, C	Gói	20g, 100g	Phòng, trị bệnh thường gặp ở đường hô hấp, tiêu hóa	TW-X_2-84
61	Kim kê trứng	Tiamulin HF, Erythromycin	Gói	20g, 100g	Phòng, trị đường hô hấp, tiêu hóa	TW-X_2-85
62	Hanvit-C100	Vitamin C	Gói	100g	Phòng, trị bệnh do thiếu Vitamin C	TW-X_2-90
63	Tayzu®	Levamysol HCL	Gói	4g, 100g, 1kg	Thuốc tẩy giun tròn ký sinh đường tiêu hóa	TW-X_2-91
64	Fe-Dextran-B_{12}	Phức Iron Dextran B_{12} 10%	Ống; lọ	2; 20, 100ml	Phòng và chữa các bệnh thiếu máu	TW-X_2-92

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
65	Tylosin-50	Tylosin tartrate	Ống; lọ	5; 50ml, 100ml	Phòng, trị bệnh đường hô hấp, hồng lỵ ở lợn	TW-X_2-95
66	Colistin-1200	Colistin sulfate	Gói; lon	10g, 50g; 100g	Trị các bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa	TW-X_2-97
67	Spectinomycin 5%	Spectinomycin HCL	Lọ	10, 50, 100, 200ml	Chữa các bệnh ở đường tiêu hóa	TW-X_2-98
68	Hanvit-K&C®	Vitamin C, Vitamin K_3	Gói	10, 20, 100, 200g, 500, 1 000g	Phòng, trị bệnh do thiếu vitamin K, C; các chứng chảy máu	TW-X_2-103
69	Lincolis-plus	Lincomycin HCL, Colistin sulfate	Gói	10g, 50g, 100g	Trị các bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa, hô hấp	TW-X_2-104
70	Linspec 5/10	Lincomycin HCL Spectinomycin HCL	Ống; lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa, hô hấp	TW-X_2-105
71	Enrotril®-100	Enrofloxacin	Chai	100; 250ml; 1l	Trị bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa, hô hấp	TW-X_2-111
72	Hanmectin®-25 Hanmectin®-50	Ivermectin	Ống, chai	5; 10; 20; 100ml; 1l	Phòng và diệt nội, ngoại ký sinh trùng	TW-X_2-112
73	Glucose	Dextrose monohydrate	Gói; bao	500, 1000g; 25kg	Cung cấp năng lượng cho cơ thể	TW-X_2-114
74	Tetracyclin HCL	Tetracyclin HCL	Gói	100, 1000g, 25kg	Trị các bệnh do vi khuẩn Gr (+) và Gr (-)	TW-X_2-115

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
75	Hancoc	Sulfaquinoxalin sodium Pyrimethamin	Chai	100, 125, 200, 250, 500ml, 1l	Phòng,trị cầu trùng ở gà, gà tây, lợn, thỏ, bê, nghé; bạch lỵ, thương hàn, THT	TW-X_2-116
76	Oxytetracyclin	Oxytetracyclin HCL	Gói	100g, 1kg, 25kg	Trị các bệnh do vi khuẩn Gr (+) và Gr (-)	TW-X_2-118
77	Actiso-10	Cao Actiso	Chai Can	100ml, 250ml; 1 lít, 3 lít.	Nhuận mật, bổ gan, giảm độc Alflatoxin; tăng cường sức đề kháng	TW-X2-119
78	Vitamin B_1	Thiamin mononitrate	Gói	100g, 1kg, 25kg	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin B_1	TW-X_2-120
79	Vitamin C	Ascorbic acid	Gói	100g, 1kg, 25kg	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin C	TW-X_2-121
80	L-lysin	Lysin	Gói	100g, 1kg, 25kg	Bổ sung Lyzin cho cơ thể	TW-X_2-122
81	D, L-Methionin	Methionin	Gói	100g, 1kg, 25kg	Bổ sung Methionin cho cơ thể	TW-X_2-123
82	Enrotril®-50	Enrofloxacin	Ống; chai	10; 50; 100ml	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa, hô hấp	TW-X_2-124
83	Hamcoli®-s	Amoxicillin, Colistin sulfate	Lọ	10ml, 20ml, 50ml, 100ml	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa, tiết niệu - sinh dục	TW-X_2-125
84	Han-Dertil-B®	Albendazole, Triclabendazol	Hộp	20 viên	Thuốc tẩy sán lá, giun tròn ký sinh	TW-X_2-127
85	Hamcoli®-plus	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Lọ	10, 20 l, 50, 100ml	Phòng và chữa các bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp; tiết niệu	TW-X_2-128

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
86	Derma spray	Chlortetracyclin HCL Methylen blue	Chai	100ml, 300ml	Thuốc phun diệt khuẩn	TW-X_2-130
87	Rivanol	Aethacridin lactate	Lọ, gói	500mg, 100g	Thuốc trị ký sinh trùng đường máu	TW-X_2-131
88	Han-V.T.C.®	Chlortetracyclin HCL Neomycin sulfate	Hộp	20 viên	Viên đặt tử cung, âm đạo chống viêm nhiễm	TW-X_2-132
89	Sanpet	Praziquantel Pyrantel	Vỉ	10 viên	Trị sán dây, giun tròn, sán lá ở chó, mèo và động vật ăn thịt	TW-X_2-133
90	Hanmycin®-100	Chlortetracyclin HCL,	Gói; lon	100g, 200g	Phòng, trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp	TW-X_2-134
91	Glucose 5%	Dextrose anhydrous	Chai	100ml, 250ml, 500ml	Cung cấp đường cho cơ thể giúp tăng cường sức đề kháng	TW-X2-137
92	Hanalgin-C	Methamosol sodium,Vita C	Lọ	20ml, 100ml	giảm đau, xuất huyết tràn lan, stress.	TW-X2-139
93	Tylospec	Tylosin tatrate, Spectinomycin	Ống; chai	10; 20; 100ml	Phòng và chữa các bệnh nhiễm khuẩn ở đường hô hấp, tiêu hóa	TW-X2-140
94	Linspec-110	Lincomycin, Spectinomycin	Gói; hộp	10g, 20g; 100g	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, tiêu hóa	TW-X2-141
95	Tylocoli	Tylosin tatrate, Colistin sulfate	Gói; lon	10g, 20g; 100ml	Phòng và chữa các bệnh thường gặp ở đường hô hấp, tiêu hóa	TW-X2-142

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
96	B-Compvit	Vit. B_1, B_6, B_2, PP, B_5, B_{12}	Chai	50, 100, 125ml, 250, 500ml	Phòng và chữa bệnh thiếu vitamin	TW-X2-143
97	Vitamin K_3	Menadion sodium bisulfit	Lọ	10, 20, 100ml	Trị bệnh do thiếu vit K, chảy máu, xuất huyết	TW-X2-144
98	Selenvit-E	Sodium selenit, Vitamin E	Ống; chai	10; 20; 100ml	Phòng và chữa bệnh thoái hóa, cơ, nhũn não, xuất huyết, bài xuất dịch	TW-X2-145
99	Hanmolin LA	Amoxixillin	Lọ	20; 50; 100ml	Trị bệnh phân xanh, phân trắng, THT, PTH; viêm phổi, phế quản, tiết niệu, sinh dục	TW-X2-147
100	Hamogen	Amoxicillin, Gentamicin	Lọ	20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn gây ra do vi khuẩn mẫn cảm với Amoxicillin, Gentamicin	TW-X_2-148
101	Bromhexine 0,3%	Bromhexine	Lọ, ống Chai	5; 20ml 50; 100ml	Trị bệnh phế quản phổi cấp và mãn tính liên quan đến tiết chất nhày bất thường	TW-X_2-152
102	Han-Cillin-50	Amoxycillin	Gói, lon	10; 20; 50; 100; 500g	Trị nhiễm khuẩn gây ra do vi khuẩn mẫn cảm với Amoxicillin	TW-X_2-153
103	Tylosin 200	Tylosin tartrate	Ống, lọ	5ml 20; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, sưng khớp, thối móng, viêm dạ con, lepto trên gia súc, gia cầm	TW-X_2-154
104	Hamcloxan	Ampicillin sodium, Cloxacillin sodium	Lọ	1; 2; 3g	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr(+), gây ra	TW-X_2-155

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
105	Diclofenac 2,5%	Diclofenac	Ống, lọ, chai	5ml; 5; 20ml 50; 100ml	Trị viêm khớp mãn tính, viêm cơ, đau bụng co thắt ở ngựa và gia súc	TW-X_2-156
106	Lidocain 2%	Lidocain, Adrenalin tartrate acid	Ống, lọ, chai	5ml; 20ml 50; 100ml	Gây tê, giảm đau cục bộ, phong bế vùng chậu, khum đuôi, xương cùng, tủy sống	TW-X_2-157
107	Vitamin C 10%	Vitamin C	Chai	50; 100ml	Trị chứng thiếu hụt Vit C, viêm màng Fibrin, phục hồi sức khỏe, ngộ độc	TW-X_2-158
108	Dolosin-200 W.S.P	Doxycylin, Tylosin tartrate	Gói, lon	10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, tiêu hóa	TW-X_2-159
109	Glucose 30%	Glucose	Chai	100; 250; 500ml	Trị hạ đường huyết, keto/aceton huyết, cung cấp năng lượng cho gia súc bệnh	TW-X2-160
110	Enteroseptol	Colistin sulfate, Vit C Chlortetracyclin HCL,	Gói, lon	5; 10; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Điều trị bệnh đường tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gà, vịt, thỏ	TW-X2-10
111	Tetraberin-Vit.B-C	Oxytetracyclin, Berberin, Vitamin B_1, B_2, C	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Điều trị các bệnh đường hô hấp, đường ruột trên bê, nghé, lợn, gà, vịt	TW-X2-11
112	Hamenro-C	Enrofloxacin, Vitamin C	Gói	10; 50; 100g	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp	TW-X2-56
113	Genorfcoli	Gentamycin, Colistin sulfate.	Gói	10; 50 100; 500g	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, lợn, gà, vịt, ngan, vịt, thỏ	TW-X2-57

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
114	Genorfcoli	Gentamycin, Colistin sulfate, Dexamethason	Ống; lọ	10; 20; 100ml	Điều trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, gia cầm	TW-X2-67
115	K.C.N.D	Kanamycin, Colistin sulfate	Ống; lọ	10; 20; 100ml	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Kanamycin và Colistin trên trâu, bò, chó, mèo	TW-X2-75
116	Norfacoli	Norfloxacin	Ống; lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, chó	TW-X2-83
117	Trị lỵ ỉa chảy	Chlortetracyclin HCL, Berberin, Vitamin B_1, B_2, C	Gói	5; 10; 100g	Trị các bệnh đường hô hấp, đường ruột trên bê, nghé, lợn, gia cầm	TW-X2-87
118	Synavet	Neomycin, Colistin sulfate, Vitamin A, D_3, E, K_3, C	Gói	10; 50; 100g	Điều trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	TW-X2-89
119	Amtyo	Oxytetracyclin HCL, Tylosin tartrate, Dexamethason	Ống; lọ	10; 20;100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, chó, mèo	TW-X2-99
120	Hampiseptol	Amoxicillin, Sulfadimidine	Gói, lon	4; 30; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin và Sulfadimidine gây ra trên bê, nghé, lợn, dê non, cừu non, gia cầm	TW-X_2-51

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
121	Hampiseptol	Sulfadimidine, Trimethoprim	Ống, lọ	5ml; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, niệu dục, viêm vú, viêm khớp trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, gia cầm	TW-X_2-61
122	Genta-Costrim	Gentamycin, Sulfadimidine, Vitamin PP	Gói	10; 50; 100g	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu, viêm dạ con, viêm vú trâu, bò, lợn, gia cầm	TW-X_2-62
123	CRD.Stop	Doxycyclin, Tiamulin, Vitamin A, D_3, E, K_3, B_1, B_2, B_6, C, Acid nicotinic.	Gói	20; 50; 100g	Điều trị các bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm	TW-X_2-70
124	Tiakaneolin	Kanamycin, Tiamulin, Dexamethason	Ống; lọ	10; 20; 100ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên lợn, gia cầm	TW-X_2-80
125	Tia-K.C	Tiamulin, Colistin sulfate, Dexamethason	Ống; lọ	10; 20; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm	TW-X_2-86
126	Norfacoli	Norfloxacin, Vitamin B_1, C, K_3, Niacin	Gói	10; 50; 100g	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên lợn con, bê, nghé, gia cầm	TW-X2-102
127	Oxylin 5%-B	Oxytetracyclin HCL, Bromhexine HCL, Lidocain	Ống, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin gây ra trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo	TW-X2-161

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
128	Linco-Gen	Lincomycin HCL, Gentamycin sulfate	Ống, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi - màng phổi, viêm teo mũi truyền nhiễm hồng lỵ, viêm sưng khớp, đóng dấu, viêm ruột trên trâu, bò, lợn, dê, cừu	TW-X2-162
129	Hanthiamcol 10%	Thiamphenicol	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do các vi khuẩn nhạy cảm với Thiamphenicol gây ra trên trâu, bò, lợn	TW-X2-164
130	Clafotax	Cefotaxime sodium	Lọ	0,5; 1; 2; 3g	Trị các nhiễm khuẩn gây mủ ở mô mềm, viêm vú, viêm dạ con, đóng dấu, tiêu chảy	TW-X2-165
131	Gentamicin 10%	Gentamycin sulfate	Lọ	20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn gây ra do vi khuẩn nhạy cảm Gentamycin trên gia súc, gia cầm	TW-X2-166
132	Hanflor LA	Florfenicol	Ống, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên trâu, bò, lợn	TW-X2-167
133	Hanceft	Ceftiofur	Lọ	20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, da, thối móng, viêm vú trên trâu, bò, lợn	TW-X2-168
134	Hanflor 4%	Flofenicol	Gói	20; 50; 100g; 1kg; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp cho lợn do nhiễm actinobaccillus, Pasteurella, Mycoplasma	TW-X2-169
135	Maxxin	Marbofloxacin	Ống, lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị tụ huyết trùng, Mycoplasma, các bệnh đường hô hấp cho trâu, bò, lợn	TW-X2-170

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
136	Hetdau	Ketoprofene, Alcol benzylic	Ống Lọ	5ml 5; 10; 20; 100ml	Giảm đau cho trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, bê, chó	TW-X2-172
137	Hanstapen	Penicillin G procain, Dihydrostreptomycine	Lọ	20, 50, 100, 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu sinh dục viêm vú, viêm da, viêm khớp trên trâu, bò, bê, nghé, dê, cừu, lợn	TW-X2-173
138	Enrotis-LA	Enrofloxacin	Chai	20, 50, 100, 250ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, đường tiết niệu sinh dục, viêm vú, viêm da trên trâu, bò, bê, nghé, lợn	TW-X2-177
139	Penicillin G procain	Penicillin G procain	Lọ	3 triệu UI	Trị đóng dấu, viêm vú, viêm đường tiết niệu, viêm móng, viêm da, viêm khớp	TW-X2-179
140	HAN-Spicol	Spiramycin, Colistin	Túi, lon	20; 50; 100g; 1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	TW-X2-180
141	Hansone	Florfenicol, Oxytetracyclin	Chai	20; 50; 100ml	Trị viêm ruột, PTH, THT, viêm phổi, viêm tử cung, viêm đường tiết niệu trên ngựa, trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, meo, gia cầm	TW-X2-181
142	Hanegg-plus	Oxytetracyclin, Neomycin, VitA,	Gói	100, 500g; 1kg	Phòng tiêu chảy, hen gà, bổ sung vitamin	TW-X2-182

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
		D_3, E, K_3, B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, folic acid, Ca D-pantothenate, Nicotinic, Dl-Methione, L-Lysine				
143	Han-Tophan	Butafosfan, Vitamin B_{12}	Chai	10; 20; 50; 100ml	Phòng và trị rối loạn trao đổi chất trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	TW-X2-186
144	Han-Tuxin	Tulathromycin	Chai	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm teo mũi truyền nhiễm, viêm phổi phức hợp, viêm khớp, xoang trên trâu, bò, lợn	TW-X2-187
145	Colistin 10 Mix	Colistin sulfat	Túi, bao	1; 5; 10; 20; 50kg	Trị bệnh đường tiêu hóa trên bê, nghé, lợn, gà, vịt	TW-X2-188
146	Hanzuril-50	Toltrazuril	Lọ, bình	5; 10; 20; 50; 100; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2 lít	Trị cầu trùng trên bê, nghé, lợn	TW-X2-189
147	Hanzuril-25	Toltrazuril	Lọ, bình	5; 10; 20; 50; 100; 150; 200; 250; 500ml; 1; 2 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	TW-X2-190
148	Han-broxin	Bromhexine	Gói	5; 20; 200; 500g	Trị bệnh phế quản phổi liên quan đến tiết chất nhày bất thường	TW-X2-191

3. Công ty TNHH TM&SX thuốc thú y Diễm Uyên (HUPHAVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	ADE.Bcomplex	Vitamin, khoáng	Gói	200; 500; 1000g	Chống thiếu hụt vitamin, khoáng	UHN-1
2	Multivitamix	Vitamin A, B, D, E	Gói	20; 50; 100g	Phục hồi sức khỏe	UHN-5
3	Trị viêm ruột	Sulfaguanidin, Tetracyclin	Gói	5; 10; 20g	Trị tiêu chảy	UHN-8
4	Bactrim-Coc	Sulfamethoxazon, Trimethoprim	Gói	5; 10; 20g	Trị cầu trùng	UHN-9
5	Phòng chống viêm phổi CRD	Tiamulin	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị ho, hen, xuyễn	UHN-10
6	B. complex (bột)	Vitamin nhóm B	Gói	20; 50; 100g	Bổ sung vitamin nhóm B	UHN-11
7	Tẩy giun chó mèo	Menbendazol, Niclozamid	Gói	2g; 5g	Tẩy sán giây, giun tròn	UHN-18
8	DL-Méthionin	DL-Méthionin	Gói	100; 1000g	Bổ sung axid amin	UHN-20
9	L-Lyzin HCL	L-Lyzin HCL	Gói	100; 1000g	Bổ sung axid amin	UHN-21
10	Oxytetracyclin	Oxytetracyclin	Gói	100; 1000g	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-22
11	Tetracyclin	Tetracyclin	Gói	100; 1000g	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-23
12	Vitamin B_1 HCL	Vitamin B_1	Gói	100; 1000g	Phục hồi sức khỏe	UHN-25
13	Vitamin C	Vitamin C	Gói	100; 1000g	Phục hồi sức khỏe	UHN-26
14	Rigecoccin	Rigecoccin	Gói	10; 20; 50g	Trị cầu trùng	UHN-28
15	Đường glucose	Đường glucose	Gói	500; 1000g	Giải độc, chống stress	UHN-29

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
16	Hupha-Ampicolis	Ampicillin, Colistin	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-59
17	Diệt sán giun	Biltricid, Levamisol	Gói	5; 10; 20; 50g	Tẩy sán lá ruột, giun tròn	UHN-63
18	Hupha-Fasiola	Biltricid	Gói	10; 20; 30; 50g	Tẩy sán lá gan	UHN-64
19	Biseptin	Oxytetracyclin, Neomycin	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị bệnh đường tiêu hóa do VK nhạy cảm với Oxytetracyclin, Neomycin trên lợn, gà	UHN-7
20	Bycomycin	Oxytetracyclin, Tylosin	Gói	10; 20; 50; 100g	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin và Tylosin trên lợn, gà	UHN-35
21	H-U-G	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100g	Trị viêm phổi, phế quản, viêm ruột, nhiễm trùng huyết, viêm đường tiết niệu, sinh dục trên trâu, bò, lợn, chó, mèo, gia cầm	UHN-36
22	Nhiễm khuẩn chó mèo	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị viêm dạ dày, đường sinh dục, tiết niệu, viêm phổi, viêm da, màng não trên chó, mèo	UHN-58
23	Hupha-Neo-Colis	Neomycin sulfate, Colistin sulfate,	Gói	10; 20; 50; 100g	Trị tiêu chảy, viêm phổi, móng, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung trên gia súc, gia cầm	UHN-81
24	Hupha-Nor-C	Norfloxacin, Vitamin C	Gói	10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Norfloxacin trên gia cầm	UHN-85

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
25	Hupha-Quine	Flumequine	Gói	10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, viêm đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine trên gia súc, gia cầm	UHN-87
26	Hupha-Flor	Florfenicol	Gói	10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra trên lợn	UHN-89
27	Hupha-Paradol-B	Paracetamol	Gói	10; 50; 100; 500g; 1kg	Hạ sốt, giảm đau trong các chứng bệnh viêm nhiễm trên gia súc, gia cầm	UHN-98
28	Hupha-Bromhexin-B	Bromhexin (HCL)	Gói	10; 50; 100; 500g; 1kg	Giảm ho, giảm tiết dịch nhầy trong bệnh đường hô hấp trên gia súc, gia cầm	UHN-99
29	Hupha-CRD	Spiramycin (Adipate), Oxytetracyclin (HCL)	Gói	10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị hen, viêm phổi, viêm khớp viêm móng trên gia súc, gia cầm	UHN-100
30	Hupha-Eflox 20	Enrofloxacin	Lọ	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin gây ra trên trâu, bò, dê, lợn, gia cầm	UHN-90
31	Hupha-Strep	Streptomycin sulfat	Lọ	1g	Trị tụ huyết trùng	UHN-12
32	Hupha-Peni G	Penicillin G	Lọ	1.000.000 UI	Trị lợn đóng dấu, nhiệt thán	UHN-13
33	Oxytetracyclin	Oxytetracyclin	Lọ	0,5g	Trị tiêu chảy, viêm phổi	UHN-14
34	Tylosin tartrat	Tylosin tartrat	Gói, ống	10; 20; 50g; 0,5g; 1g	Trị viêm phổi, ỉa chảy	UHN-27

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
35	Hupha-Ampi-Gental	Ampicillin, Gentamycin	Lọ	1g	Trị viêm đường hô hấp, bệnh đường tiêu hóa gây ỉa chảy trên bê, lợn, gia cầm	UHN-82

4. Công ty TNHH dược thú y Thăng Long

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Genta-Tylosin	Gentamycin; Tylosin	Gói, hộp	5; 10; 20; 50, 100g	Chữa bệnh hô hấp, tiêu chảy	TL-01
2	Multi Vitamin B	Vit B_1, B_2, B_5, B_6, PP	Gói, hộp	20; 50; 100; 1000g	Thuốc bổ	TL-03
3	Tăng sản trứng-sữa	Vit A, D_3, E, B_1, B_2, PP; Tetracyclin	Gói	10; 100; 500g	Thuốc bổ	TL-06
4	Khẹc vịt và ỉa chảy	Ampicillin; Tylosin	Gói	10; 20g	Chữa bệnh nhiễm trùng	TL-07
5	Anticocid-Diarrhoea	Sulfachlorin; Colistin	Gói	5; 10; 20; 50g	Chữa bệnh cầu trùng	TL-08
6	Antigas	NaCl; $NaHCO_3$; $MgSO_4$	Gói	10; 20g	Chữa chướng hơi, đầy bụng	TL-09
7	Điện giải Vita-B-C	Vit C, B_1; NaCl; $NaHCO_3$	Gói	20; 50; 100g	Trợ sức, trợ lực	TL-11
8	TĐ-Levamisol	Levamisol HCL	Gói	2; 100; 500g	Tẩy các loại giun tròn ký sinh ở đường ruột, đường hô hấp	TL-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
9	TĐ-Colistin	Colistin sulfat salt	Gói	2; 10; 50; 100g	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, do vi khuẩn, Mycoplasma gây ra	TL-13
10	Enro-colivit	Enrofloxacin (HCL), Vit B_1	Túi	5; 10; 20; 50; 100gam	Trị viêm đường hô hấp, đường ruột trên trâu, bò, gia cầm	TL-14
11	Neodesol	Neomycin sulfat (salt); Oxytetracycline	Túi	5; 10; 20; 50; 100gam	Trị viêm đường hô hấp, đường ruột trên trâu, bò, heo, gia cầm	TL-15
12	Hen-CRD-Stop	Tylosin tartrat salt Theophyllin, as anhydrous	Túi	5; 10; 20; 50; 100gam	Trị viêm đường hô hấp, CRD, CCRD, viêm ruột cho trâu, bò, heo, gia cầm	TL-16
13	TĐ-Doxylin-Vet-25	Doxycyclin hyclate salt	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, viêm khớp, viêm tử cung, viêm rốn trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	TL-17
14	TĐ-Dia-Cin-25	Sulfadiazin sodium, Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị viêm phổi, viêm dạ dày ruột, tiêu chảy, nhiễm trùng huyết, tiết niệu sinh dục trên trâu, bò, ngựa, lợn, gia cầm	TL-18
15	TĐ-Amoxi Vita-20	Amoxycilin trihydrate	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiết niệu, nhiễm trùng da và cơ trên trâu, bò, lợn, gia cầm	TL-19

5. Công ty TNHH thuốc Thú y (PHAVETCO)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	B Complex	B_1, B_2, B_6	Gói	50g	Tăng trọng, bồi dưỡng	HCN-3
2	Tẩy giun sán lợn	Menbedazol	Gói	2; 5; 100; 250g	Tẩy giun sán lợn	HCN-9
3	B Complex	B_1,B_2,B_6	Gói	100g	Tăng trọng, bổ sung vitamin	HCN-12
4	Ampi-streptotryl	Ampicillin, Sulfamid	Gói	7-10g	Chữa viêm phổi, ỉa chảy	HCN-13
5	Menbendazol 10%	Menbenvet 10%	Gói	2g	Tảy giun	HCN-16
6	Sultrep	Streptomycin, Sulfamid	Gói	7g	Chữa ỉa chảy gia súc, gia cầm	HCN-19
7	Genta-Prim	Trimethoprim, Gentamycin	Gói	10g	Chữa bệnh đường hô hấp, viêm phổi	HCN-22
8	Trị các bệnh tiêu chảy	Tylosin, Chlotetracyclin	Gói	10g	Trị ỉa chảy	HCN-25
9	Vitamin B_1 viên	Vitamin B_1	Lọ	1500 viên	Bổ sung vitamin	HCN-27
10	Trị E. coli đường ruột	Sulfamid, Tylosin	Gói	10g	Trị E.coli đường ruột, phù đầu	HCN-35
11	Coccitop PV	Sulfamid, Tylosin	Gói	10g	Trị cầu trùng ở gà, thỏ	HCN-36
12	CRD-Myco	Sulfamid, Tylosin	Gói	10g	Trị hen suyễn, khẹc vịt, CRD ở gà	HCN-37
13	Tyfazol	Sulfamid	Gói	10; 20g	Trị các bệnh như hen suyễn, CRD	HCN-38
14	Penicillin G	Penicillin G	Lọ	0,62g	Chữa bệnh do vi khuẩn Gr (+) gây ra như đóng dấu, nhiệt thán	HCN-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
15	Streptomycin	Streptomycin	Lọ	1g	Chữa tụ huyết trùng, CRD	HCN-2
16	Kanamycin sulphat	Kanamycin	Lọ	1g	Trị viêm phổi và các bệnh do vi khuẩn Gr (+) gây ra	HCN-7

6. Công ty TNHH thú y Việt Nam

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Đặc trị CRD	Tylosin tartrate, Theophylin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, chó, mèo, gia cầm	VNC-1
2	Kháng sinh đặc trị bệnh vịt, gà, ngan	Chlortetracyclin, Theophylin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gia cầm	VNC-2
3	Đặc trị cầu trùng I Anticoccid	Sulfaquinoxalin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị cầu trùng trên gia súc, gia cầm, thỏ, chó, mèo	VNC-3
4	Cocstop Vivetco	Sulfachlorpyridazine, Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị bệnh đường tiêu hóa, viêm phế quản, viêm phổi trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, thỏ, lợn, gia cầm	VNC-4
5	Đặc trị tiêu chảy Antidiare	Flumequin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị viêm ruột, viêm đường hô hấp trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, thỏ	VNC-5

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
6	Tiêu chảy lợn	Sulfaguanidin, Sulfadimidin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị ỉa chảy, kiết lỵ, viêm ruột, THT, thương hàn trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn	VNC-6
7	Mebenzol	Mebendazol	Gói	0,5; 1; 2; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g	Tẩy giun tròn, sán dây trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	VNC-8
8	Trimexazol	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị viêm ruột, bệnh đường hô hấp, niệu - dục, nhiễm trùng vết thương trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	VNC-10
9	Trị sưng phù đầu	Oxytetracyclin,VitA, D_3, E	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Trị bệnh hen, sưng phù đầu	VNC-9
10	Ampicolivet	Ampicillin, Colistin sulfat	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Trị bệnh viêm phổi, tụ huyết trùng, phó thương hàn	VNC-11
11	Úm gia cầm	Flumequin, Vitamin A, D, E	Gói	5g, 10g, 20g, 50g, 100g, 200g, 500g,1000g	Úm gia cầm, vịt, gà, ngan, ngỗng, bồ câu, chim cút	VNC-12
12	B Complex	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, PP	Gói	30; 50; 100; 200; 500g; 1; 5kg	Cung cấp vitamin, bồi bổ cơ thể	VNC-13
13	Nimisol	Levamisol, Niclosamide	Gói	2g; 2,5g; 5; 10g; 20g; 100g	Tẩy giun sán	VNC-14
14	Điện giải Vitamin	$NaHCO_3$, KCl, NaCl, Natri Citrat và Vitamin	Gói	13.95g, 50g 100; 500; 1000; 5000g	Bổ sung chất điện giải, tăng cường giải độc, bồi bổ cơ thể	VNC-15

7. Công ty cổ phần thuốc thú y TW5 (FIVEVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Five-Sultrim	Sulfamethoxazol, Trimethoprim.	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm dạ dày ruột, tiêu chảy, viêm phổi trên gia súc, gia cầm	TW5-1
2	Five-Gentatylo	Gentamycin sulfate, Tylosin tartrate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, chó, gia cầm	TW5-2
3	Five-Tylosin	Tylosin tartrate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị ỉa chảy, viêm ruột trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	TW5-5
4	Five-Anticoc	Sulphachlozin sodium salt, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Đặc trị cầu trùng trên gia cầm, thỏ	TW5-6
5	Five Anticoccid	Sulphaquinoxalin Diaveridin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị cầu trùng và viêm nhiễm đường ruột do vi khuẩn gây ra trên gia súc, gia cầm	TW5-7
6	Five-AntiCRD	Spiramycin adipat Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 500g; 1kg	Trị viêm nhiễm do vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycin và Trimethoprim	TW5-8
7	Five-E.C.S.09	Erythromycin, Colistin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh đường hô hấp, viêm đa khớp, sưng phù đầu trên gia cầm	TW5-9
8	Five-Enritis	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị các bệnh dạ dày - ruột, bệnh đường tiết niệu trên lợn, thỏ, bê, nghé, dê, cừu con, gia cầm	TW5-11

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
9	Five-Neolis	Oxytetracyclin, neomycin	Gói	10, 20, 50, 100g	Viêm ruột, ỉa chảy, viêm phổi, bạch lị, PTH	TW5-12
10	Five-Cảm cúm	Paracetamol	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g	Hạ sốt, giảm đau, chống viêm cho gia súc	TW5-13
11	Five-Antidia	Colistin sulfate Neomycin sulfate	Gói	10; 20; 50; 500g; 1kg.	Trị bệnh dạ dày - ruột do các vi khuẩn nhạy cảm Colistin và Neomycin trên bê, nghé, cừu, dê, heo, gia cầm và thỏ	TW5-14
12	Five-AC.15	Amoxicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh đường ruột trên trâu, bò, lơn, dê, cừu, gia cầm	TW5-15
13	Five-Trimco	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh dạ dày - ruột, bệnh đường tiết niệu trên lợn, thỏ, bê, nghé, dê, cừu con, gia cầm	TW5-16
14	Five-T.C.17	Colistin, Tylosin	Gói	10, 20, 50, 100g	Trị ỉa chảy, THT, kích thích tăng trưởng gà con	TW5-17
15	Five-Fluquin	Flumequin	Gói	10, 20, 50, 100g	Trị rối loạn tiêu hóa, viêm ruột, ỉa chảy	TW5-18
16	Five-Vitamin B_1	Vitamin B_1	Gói	10, 20, 50, 100g	Kích thích tiêu hóa, giải độc	TW5-19
17	Five-Vitamin C	Vitamin C	Gói	10, 20, 50, 100g	Giải độc, chống nóng	TW5-20
18	Five-Ampi-coli	Erythromycin, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp trên gia cầm	TW5-21

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
19	Five-Dotylin	Doxycyclin hyclat Tylosin tartrat salt	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg.	Trị rối loạn tiêu hóa, ỉa chảy, viêm ruột, xuất huyết, hoại tử trên gia súc, gia cầm	TW5-22
20	Five-E.C.23	Erythromycin, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị bệnh đường hô hấp trên gà, vịt, ngan, ngỗng, cút	TW5-23
21	Five-Colistin	Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm ruột tiêu chảy cấp và mãn tính, viêm dạ dày trên bê, nghé, dê, cừu, lợn thỏ, gia cầm	TW5-24
22	Five-DHT	Doxycyclin hyclat Tylosin tartrat salt	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg.	Trị nhiễm trùng đường ruột và đường hô hấp gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Doxycyclin trên gia súc, gia cầm	TW5-25
23	Five-Tylosul	Sulfadiazil, Tylosin	Gói	5;10; 20; 50; 100; 200; 500g, 1kg	Thuốc có tác dụng chống lại các loại vi khuẩn Gram(+), Gram(-), Mycoplasma	TW5-33
24	Five-Amnicol	Thiamphenicol	Binh	210ml	Trị nhiễm khuẩn vết thương	TW5-34
25	Five-Gluco	Glucose	Gói	500g; 1kg	Chống nóng, giải độc.	TW5-43
26	Five Enflox	Enrofloxacin	Gói - hộp	5, 10, 20, 50, 100g 500g, 1000g	Điều trị CRD, CCRD, THT, viêm phổi, viêm ruột, cúm	TW5-50
27	Five-Amsoli	Tylosin, Sulfadimidine	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Phòng viêm ruột, viêm phổi trên lợn	TW5-51
28	Five-Tiare	Oxytetracycline; Tylosin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp do VK nhạy cảm với Oxytetracycline và Tylosine trên lợn, gia cầm	TW5-53

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
29	Five-Sotylin	Tylosin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh suyễn, viêm ruột ở lợn; CRD cho gia cầm	TW5-58
30	Five Tylosin	Tylosin tartrate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với tylosin	TW5-64
31	Five-Neolin	Oxytetracyclin Neomycin (sulfate)	Gói	10; 20; 50; 100; 500; 1.000g	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin và Neomycin	TW5-65
32	Five-Ampicon	Ampicylin, Colistin	Gói	10, 20, 50, 100g	CRD, viêm phổi, E-Coli, PTH, viêm tử cung	TW5-69
33	Five-Amoxcin	Amoxicillin trihydrate, Colistin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh đường ruột trên bê, nghé, dê, cừu, lợn con, gia cầm	TW5-70
34	Five-Anti CCRD	Spiramycin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do VK nhạy cảm với Spiramycin trên gia cầm, chim bồ câu	TW5-75
35	Five-Flumequin	Flumequine	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine gây ra trên gia súc, gia cầm	TW5-76
36	Five-Fluquin 50	Flumequine	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày ruột, hô hấp, tiết niệu, sinh dục do vi khuẩn mẫn cảm với Flumequine trên gia súc, gia cầm	TW5-79

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
37	Five-Anticocid. A	Sulfaquinoxalin, Diaveridin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị cầu trùng ruột non và manh tràng do Eimeria; Tụ huyết trùng, thương hàn trên gia cầm	TW5-80
38	Hado.Antidia	Colistin sulfat, Neomycin sulfat	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày ruột trên bê, nghé, cừu non, dê con, lợn con, gia cầm, thỏ	TW5-81
39	Hado.SHA	Doxycyclin Tylosin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa do vi khuẩn mẫn cảm với Doxycyclin, Tylosin trên bê, nghé, dê, gia cầm, cừu, lợn	TW5-82
40	Hado.Oxy	Oxytetracyclin hydroclorid	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp và đường tiêu hóa do vi khuẩn mẫn cảm với Oxytetracyclin trên bê, nghé, cừu, dê, lợn, gia cầm	TW5-84
41	Hado.Docy	Doxycyclin hyclat	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa do vi khuẩn mẫn cảm với Doxycyclin trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	TW5-85
42	Hado.Gen2000	Gentamycin sulfat	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, đường hô hấp do vi khuẩn mẫn cảm với Gentamycin trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	TW5-88

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
43	Hado.Moxsuper	Amoxicillin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, đường hô hấp, đường tiết niệu - sinh dục do vi khuẩn mẫn cảm với Amoxicillin trên lợn, gia cầm	TW5-89
44	Hado.Covit	Neomycin Oxytetracyclin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột do vi khuẩn mẫn cảm với Neomycin, Oxytetracyclin trên bê, nghé, cừu non, lợn, gia cầm, thỏ	TW5-90
45	Hado.Coccid	S.quinoxalin Diaveridin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị cầu trùng ruột non và manh tràng, Tụ huyết trùng, Thương hàn trên gia cầm	TW5-92
46	Hado. Tiêu chảy heo	Colistin sulfat Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn bởi những vi khuẩn mẫn cảm với Colistin và Trimethoprim trên bê, nghé, cừu non, dê con, lợn, gia cầm và thỏ	TW5-95
47	Hado.Enro.20	Enrofloxacin	Gói	5, 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường tiêu hóa, đường tiết niệu ở bê, nghé, dê non, cừu non, gia cầm và lợn	TW5-96
48	Hado. Gentatylo	Gentamycin sulfat	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Tiêu chảy, viêm dạ dày - ruột non gây ra bởi những vi khuẩn mẫn cảm với Gentamycin	TW5-98
49	Five Ampi Kana	Ampicilline sodium, Kanamycin sulfat	Lọ	500.000 UI; 0,5g 1.000.000 UI; 1g 10.000.000 UI; 10g	Trị viêm phổi, viêm ruột, E.Coli, viêm khớp, viêm đường sinh dục, tiết niệu	TW5-54

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
50	Five-Penicilin	Penicilline kali	Lọ	1; 5 triệu UI 50 triệu UI	Trị đóng dấu son, viêm phổi, lepto, nhiệt thán, tetanos, viêm vú, viêm đường sinh dục, tiết niệu	TW5-59
51	Five-Streptomycin	Streptomycin sulfate	Lọ	1g; 5g; 50 g	Trị THT, viêm phổi, sinh dục, tiết niệu, viêm ruột, phân trắng lợn con	TW5-60
52	Five-Penicillin	Penicillin G postassium	Lọ	1; 5 triệu UI 50 triệu UI	Trị đóng dấu son, viêm phổi, lepto, nhiệt thán, tetanos, viêm vú, viêm đường sinh dục, tiết niệu	TW5-63
53	Five-Azidin	Diminazen diaceterat	Lọ	1,18g	Trị ký sinh trùng máu	TW5-100

8. Công ty TNHH thú y xanh Việt Nam (GREENVET CO., LTD)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Gluco K,C	Glucoza, VitaminK, Vitamin C	Gói	100g, 200g, 500g, 1kg	Cung cấp năng lượng, giải độc, giải nhiệt, chống nóng, chống stress	GRV-1
2	Super Egg	Oxytetracycline, Vitamin A, D, E, các vit thiết yếu khác	Gói	50g, 100g, 200g, 500g, 1kg, 10kg	Cung cấp vitamin, nâng cao sức đề kháng, tăng tỷ lệ đẻ, tỷ lệ phôi và ấp nở	GRV-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3	Tylanvet	Tylosin tartrate	Gói, hộp	10g, 20g, 50g, 100g, 200g,500g,1kg, 10kg	Trị bệnh gây ra do Mycoplasma ở gia súc, gia cầm như-CRD, suyễn lợn	GRV-11
4	Streptomycin	Streptomycin sulfat	Gói	1g	Trị nhiễm khuẩn gia súc	GRV-13
5	Levavet Powder	Mebendazol	Gói	2g	Trị giun tròn lợn, chó, gia cầm	GRV-19
6	AD3EBcomplex	Vitamin	Gói	100; 150g	Bổ sung vitamin, tăng sức đề kháng	GRV-20
7	B Complex	Vitamin B_1,B_2, B_6, B_{12}, PP	Gói	100g	Bổ sung vitamin, tăng sức đề kháng	GRV-21
8	Vitamin B_1 viên	Vitamin B_1	Lọ	1800 viên (0,1g/1 v)	Bổ sung vitamin, tăng sức đề kháng	GRV-22
9	B Complex	Vitamin B_1, B_2, PP, B_6, B_{12}	Lọ	1800 viên	Bổ sung vitamin, tăng sức đề kháng	GRV-25
10	Coli-dox	Colistin sulphate Doxycyclin	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 5kg	Trị hen, hen ghép E.coli, thương hàn, trên gia cầm, lợn con phân trắng, viêm phổi	GRV-30
11	Coli-200	Colistin sulphate Trimethoprim	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg.	Trị các bệnh gây ra bởi các vi khuẩn nhậy cảm với Colistin và Trimethoprim	GRV-31
12	Coxymax	Sulphachlozin	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 200, 500g 1kg	Trị cầu trùng, thương hàn, THT	GRV-36

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
13	Linco-spec inj	Lincomycin, Spectinomycin	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 250, 500g 1kg	Trị viêm nhiễm gây ra bởi vi khuẩn mẫn cảm với Doxycyclin và Tylosin	GRV-37
14	CRD.Com	Tylosin tartrate, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, đường ruột trên gà, vịt, ngan, cút	GRV-39
15	MG-200	Tylosin tartrate, Doxycyclin HCL	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, thương hàn, viêm ruột hoại tử, phó thương hàn trên bê, nghé, lợn con, dê con, cừu con, thỏ, gia cầm	GRV-40
16	Flormax	Florfenicol	Túi, gói	100g; 1; 5; 10kg.	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn và các vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol	GRV-41
17	Tylandox	Doxycycline, Tylosin	Túi, bao	10; 50;100; 500g; 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị viêm dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, lợn, cừu, gia cầm	GRV-42
18	Coxy-Q	Sulfaquinoxaline, Trimethoprim	Túi, bao	100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị E.coli và cầu trùng trên gà	GRV-43
19	Neo-colistin	Neomycin sulfate, Colistin sulfate	Túi, xô	100; 500g; 1; 5; 10kg	Trị viêm dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm với neomycin và colistin trên bê, nghé, cừu non, lợn, thỏ, gia cầm	GRV-45
20	Penicillin	Penicillin potassium	Lọ	1.000.000 UI	Trị nhiễm khuẩn gia súc	GRV-12
21	Pen-Strep	Penicillin, Streptomycin	Lọ	500000UI + 1g	Trị bệnh nhiễm khuẩn gia súc	GRV-17

9. Công ty TNHH thương mại và dịch vụ phát triển chăn nuôi

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	T&D Toi gà vịt ngan	Ampicilin trihydrate, Colistin sulfate	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicilin, Colistin gây ra trên gia cầm	TD-02
2	T&D Flumcolis 3000	Flumequin sodium	Túi, hộp	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, nhiễm trùng máu trên gia súc, gia cầm	TD-04
3	T&D Vetmac	Doxycyclin, Neomycin	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Điều trị các bệnh do vi khuẩn Gr (-) và Gr (+), Richketsia	TD-5
4	T&D Tetracyclin	Tetracyclin	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Trị bệnh đường hô hấp	TD-7
5	T&D Vitamin B_1	Vitamin B_1	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Tăng cường sức đề kháng, bổ sung vitamin	TD-8
6	T&D Tylosin	Tylosin	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Trị bệnh đường hô hấp	TD-9
7	T&D Vitamin C	Vitamin C	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Tăng cường sức đề kháng, bổ sung vitamin	TD-10
8	T&D Glucoza	Glucoza	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Tăng cường sức đề kháng, cung cấp năng lượng	TD-11
9	T&D Levamisol	Levamisol	Túi	2; 5; 10g	Tẩy các loại giun phổi, dạ dày - ruột	TD-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
10	Đặc trị cầu trùng - Tiêu chảy	Sulfaquinoxalin, Trimethoprim,	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200, 500g; 1kg; 10kg	Phòng, trị cầu trùng, ỉa chảy, thương hàn, viêm ruột, hồng lỵ ở gia súc, gia cầm	TD-13
11	T&D Doxycyclin 10%	Doxycyclin	Túi	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200g; 300; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	TD-15
12	T&D Oxytetracyclin 20%	Oxytetracyclin	Túi	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Oxyte-tracyclin	TD-17
13	T&D Mebendazol 10%	Mebendazol	Túi	2; 5; 10g	Tẩy giun cho gia súc, gia cầm	TD-19
14	T&D Gum gà	Oxytetracyclin, Vitamin C.	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg.	Trị các bệnh kế phát sau Gum, nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tăng sức đề kháng trên gia cầm	TD-20
15	Amoximox	Amoxicillin trihydrate	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu chảy trên trâu, bò, lợn, gia cầm	TD-21
16	TD-Neocolivet	Neomycin sulfate, Colistin sulfate	Gói, hộp	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gia cầm	TD-22
17	Doxygent-T	Gentamycin sulfate, Doxycyclin HCL	Gói, hộp	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị viêm phổi, bệnh đường ruột trên trâu, bò, cừu, lợn, gia cầm	TD-23

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
18	Dinamicin	Trimethoprim, Colistin sulfate	Gói, hộp	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim và Colistin gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm	TD-24

10. Công ty TNHH thuốc thú y miền Bắc

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	N-Eryampi	Erythromycin thiocyanate, Ampicillin trihydrat	Gói	10, 20, 50, 100, 200, 500g	Phòng và trị bệnh hô hấp như CRD, THT, viêm hoạt dịch, ngạt mũi, sổ mũi	MB-02
2	N-Oxycol	Tetracyclin HCL, Colistin sulphat	Gói	10, 20, 50, 100, 200, 500g	Trị bệnh viêm đường hô hấp mãn tính, bệnh nhiễm trùng do E.coli	MB-03
3	N-Sulmedia	Diaveridin sodium, Sulphadimidin sodium.	Gói	10, 20, 50, 100, 200, 500g	Trị các bệnh gây ra do cầu trùng tại ruột già, ruột non ở gia súc, gia cầm	MB-06
4	N-Aspersid	Nystatin, Tetracyclin HCL	Gói	10, 20, 50, 100, 200, 500g	Trị bệnh nấm phổi do Aspergilluss Fumigatus gây ra với những triệu chứng ở đường hô hấp	MB-07
5	N-Coccisid	Sulfachlorpyridazin, Sulphadimidin sodium	Gói	10, 20, 50, 100, 200, 500g	Thuốc trị cầu trùng, E.coli, THT, bạch lỵ	MB-08

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
6	N-Doxycin	Doxycyclin HCL, Tylosin, Theophyllin	Gói	10, 20, 50, 100, 200, 500g	Trị bệnh CRD, viêm phế quản phổi, THT, thương hàn, viêm vú, viêm tử cung	MB-09
7	N-Anticoli	Tiamulin HF, Vitamin A Chlortetracyclin HCL	Gói	10, 20, 50, 100, 200, 500g	Thuốc trị các bệnh do E.coli, bệnh viêm nhiễm đường hô hấp, THT, viêm khớp	MB-10
8	Ampicoli-oral	Ampicillin trihydrat, Colistin sulphat	Gói	10, 20, 50, 100, 200, 500g	Phòng và trị bệnh thường gặp ở đường tiêu hóa và hô hấp	MB-11
9	N-Mequine	Flumequine sodium salt	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm đường tiêu hóa, nhiễm trùng đường hô hấp, viêm khớp, viêm da	MB-24
10	N-Doxycoli	Doxycyclin, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Phòng và trị các bệnh đường hô hấp, nhiễm khuẩn đường ruột trên gia cầm	MB-01
11	N-Levasol	Levamisol	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị giun đường tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gia cầm	MB-33
12	N-Vitamix	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, C, K_3, PP, B_5, Acid folic	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh do thiếu vitamin gây ra trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	MB-37
13	N-Colidin	Colistin sulfate, Sulphaguanidin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột trên trâu, bò	MB-42
14	N-Coli 500	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Trimethoprim gây ra	MB-43

11. Công ty cổ phần thuốc thú y Việt Anh

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Tylosin 98%	Tylosin tartrat	Lọ, ống, gói	500mg; 1; 10g	Trị các bệnh đường hô hấp, hen suyễn, CRD	VA-01
2	Viaenro	Enrofloxacin	Gói, hộp	10, 20; 50; 100g; 1kg	Trị viêm ruột, ỉa chảy	VA-02
3	Colivet-S	Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, viêm xoang, thương hàn, phân trắng, phân xanh, THT	VA-04
4	Viamoxyl 15.S	Amoxycilline	Túi Lon	10; 20; 50; 100g 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilline cho bê, nghé, lợn, gia cầm	VA-24
5	Via.SBA 30%	Sulfaclozine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g 50; 100; 500g ; 1kg	Trị cầu trùng, thương hàn, bệnh tả trên gà	VA-33
6	Via-Salcol	Flumequine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100g 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine gây ra trên bê	VA-34
7	Thuốc tẩy giun Via-Levasol	Levamisol	Túi	2; 4; 5; 10; 100g	Tẩy giun tròn, giun đũa, giun tóc, giun móc, giun phổi, cho gà, bê, nghé, chó, mèo	VA-35
8	Viadonald	Ampicilline (trihydrat) Erythromycine	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do VK nhạy cảm với Ampicillin và Erythromycin trên gia cầm	VA-21

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
9	Viacox	Sulfaquinoxaline Trimethoprim	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị cầu trùng, tụ huyết trùng và thương hàn gia cầm	VA-37
10	Viadiarh	Sulfaguanidine Sodium salicylate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh nhiễm trùng dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfaguanidine	VA-38
11	Viamasti	Gentamycin sulfat Cloxacilline sodium	Syringe	9,0 gam	Trị nhiễm trùng vú do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycin, Cloxacilline trên bò sữa	VA-41
12	Viametri	Amoxycilline trihydrat	Syringe	17,8 gam	Trị nhiễm trùng tử cung do các vi khuẩn nhạy cảm Amoxycilline gây ra trên bò cái, lợn nái	VA-42
13	Anti.Moca	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, PP, C, K_3, Calci pantothenat, methionin, Lysin, Choline, Sắt, Mangan, Đồng, Cobalt	Gói	50; 100g	Cân bằng dinh dưỡng, chống stress trên gia cầm	VA-43
14	Viatox-Spray	Deltamethrine	Chai, bình	50; 100; 200; 250; 500ml; 1; 5 lít	Trị bệnh ký sinh trùng do ruồi, ve, ghẻ, rận	VA-44
15	VIA.TTS	Trimethoprim Sulfadiazine	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g;1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên bê, ngựa, lợn, gia cầm	VA-48
16	VIA.Doxytylo	Tylosin, Doxycyclin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên bê, nghé, lợn, gia cầm	VA-50

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
17	VIA.Gentadox	Gentamycin Doxycyclin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	VA-51
18	Vita B-Complex+ K3+C WSP	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, K_3, Calci d-pantothenate, Nicotinic acid, Acid folic	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh thiếu Vitamin, stress	VA-55
19	Super.Egg	Oxytetracyclin HCL, Vitamin A, D_3, E, K_3, B_2, B_{12}, PP, Calci pantothenate, L-Lysine DL-Methionine	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin gây ra trên gia cầm	VA-56
20	Viaeryco-10	Erythromycine, Colistin	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh hô hấp, nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, thương hàn trên gia cầm	VA-57
21	Via. Bromxin	Bromhenxin	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm đường hô hấp ngựa non, bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, gia cầm, chó, mèo	VA-60
22	Via.Ampi-Coli	Ampicillin	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị thương hàn, bạch lỵ, tụ huyết trùng, đóng dấu trên bê, nghé, dê non, lợn con, gia cầm	VA-61
23	Úm gia cầmVia	Ampicillin, Erythromycine	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục trên gia cầm	VA-62

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
24	Via.Tilane	Tylosin tartrate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị hồng lỵ, suyễn trên lợn	VA-64
25	Coli-500	Colistin sulphate, Trimethoprim	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Trimethoprim	VA-65
26	Via. Costrim	Oxytetracycline, Sulfadimidine	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline, Sulfadimidine	VA-68
27	Via.doxy-200	Doxycycline base	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, dạ dày ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline	VA-70
28	Via.gentacos	Gentamycin	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycin gây ra ở bê	VA-71
29	AZ-Moxy 50S	Amoxycilin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, sinh dục do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilin	VA-73
30	Tylosin	Tylosin tartrate	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị CRD, viêm phổi, hồng lỵ, THT do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilin trên bò, lợn, gia cầm	VA-74
31	AZ-Doxy 50S	Doxycycline	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm mũi, viêm phổi, đường ruột, viêm vú, tử cung, bệnh lỵ trên bê, cừu, lợn, gia cầm	VA-75
32	Via. Pneutec	Oxytetracycline; Tylosin		10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracycline; Tylosin trên lợn và gia cầm	VA-76

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
33	Az Flomax	Florfenicol	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng hô hấp gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol trên gia cầm	VA-79
34	Ampi-Coli extra	Ampicilline, Colistin sulfate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicilline, Colistin trên gia cầm	VA-80
35	Antigumboro	Potassium citrate ; Sodium citrate ; Vitamin B_1 ; B_2 ; C ; Menadione ; Nicotinamide ; Troxerutine ; Phenylbutazone	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng các triệu chứng bệnh Gumboro. Tăng cường chức năng gan thận ở gia cầm. Chống viêm, hạ sốt trong các bệnh nhiễm khuẩn, nhiễm virus có sốt	VA-82
36	AZ. Genta-Tylosin	Gentamycine, Tylosine, Vitamin A	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường ruột, viêm mũi, sổ mũi trên gia súc, gia cầm	VA-85
37	AZ. Neo-Nys	Neomycine sulffate Nystatin	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do nấm Candida, nhiễm trùng huyết, E.Coli, tiêu chảy, kiết lỵ, phân trắng trên gia cầm	VA-86
38	AZ PARA C	Paracetamol	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Giảm đau, hạ sốt	VA-88

12. Công ty cổ phần Hùng Nguyên

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Ampi-Colis	Ampicillin, Colistin sulfate	Túi	5; 10; 20; 50g; 100g	Trị THT, thương hàn, CRD, phân xanh, phân trắng do Ecoli trên gia cầm THT, viêm phổi, ỉa chảy cấp trên trâu bò, lợn con phân trắng	NGH-01
2	Vitamin B complex	Vit.B_1, B_2, B_6, PP	Túi	100; 500; 1000g	Bổ sung các vitamin nhóm B, kích thích sinh trưởng, tăng trọng lớn nhanh	NGH-08
3	Vitamin B_1	Vitamin B_1	Túi	100; 500; 1000g	Kích thích tiêu hóa, tăng cường trao đổi chất, tăng sức đề kháng cho cơ thể	NGH-09
4	Vitamin C	Vitamin C	Túi	100; 500; 1000g	Phòng chống bệnh chảy máu, bền vững thành mạch, chống xuất huyết ngoài da	NGH-10
5	Tetracyclin HCL	Tetracyclin HCL	Túi	100; 500; 1000g	Phòng, trị viêm phổi, viêm phế quản, nhiễm trùng máu, viêm ruột, tụ huyết trùng	NGH-11
6	Điện giải – Vitamin	Vit B_1, B_2, PP, B_6, NaCl, KCl, $NaHCO_3$,	Túi	10; 20; 50; 100g	Bổ sung vitamin và chất điện giải, chống mất nước trong các bệnh như ỉa chảy	NGH-28
7	Levamisol	Levamisol	Túi	2; 5; 10g	Phòng trị bệnh giun tóc, giun đũa, giun móc, các loại sán lá, sán dây	NGH-29
8	Levamisol 7%	Levamisol	Túi	2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng trị bệnh giun tóc, giun đũa, giun móc, các loại sán lá, sán dây	NGH-30

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
9	Vitamin K_3	Vitamin K_3	Túi	5; 10; 20; 50; 100g	Thuốc có tác dụng cầm máu trong các bệnh xuất huyết, viêm ruột, cầu trùng	NGH-32
10	NGH-Acotrim	Trimethoprim, Sulfamethoxazol, Lactose	Túi	5; 10; 20; 50g; 100g	Phòng và trị nhiễm khuẩn đường hô hấp do M.gallisepticum, M.synoviae, E.coli, phân xanh, phân trắng, THT cho trâu, bò, dê, lợn	NGH-34
11	Điện giải-Vitamin	Vit B_1, B_2, PP, B_6, NaCl, KCl, $NaHCO_3$,	Túi	10; 20; 50; 100g	Bổ sung vitamin và chất điện giải, chống mất nước trong các bệnh như ỉa chảy,…	NGH-28
12	NGH-Neotesol	Neomycin sulfat, Tetracyclin, Lactose	Túi	5; 10; 20; 50g; 100g	Điều trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Tetracyclin và Neomycin	NGH-37
13	Meta-Kazol	Flumequin, Vitamin K_3, DL-Methionin, L-Lysin,	Gói	5; 10; 20; 50g; 100g; 500g; 1kg	Trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequin cho trâu, bò, dê, lợn, và gia cầm	NGH-38
14	Zinmix-A15	Vitamin A, D_3, B_1, E, PP, Dl-Methionin, Lysin, Sắt Oxalat, Kalicloride, $CaCO_3$, Kẽm sulfate, $MnSO_4$, $CuSO_4$,	Gói	5; 10; 20; 50g; 100g; 500g; 1kg	Cung cấp vitamin và khoáng cần thiết cho lợn, trâu, bò, gia cầm và thú cảnh, tăng sức đề kháng, phòng chống Stress	NGH-39

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
15	Doxy-Tylo	Doxycyclin hydrocloride, Tylosin tartrate, Lactose	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Đặc trị tiêu chảy, viêm phổi, THT ở Bê, nghé dê, cừu, lợn, CRD, C-CRD, THT ở gia cầm	NGH-41
16	Trị tiêu chảy	Neomycin sulfate, Colistin sulfate lactose	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Neomycin gây ra	NGH-42
17	Ofluquin	Flumequin	Gói	5; 10; 20; 50g; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequin cho trâu, bò, cừu, dê, lợn, gia cầm	NGH-05
18	Ecoli-ST4	Trimethoprim Sulfa methoxazol	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị THT, PTH, Thương hàn, lợn con phân trắng, nhiễm trùng đường tiêu hóa do E.coli	NGH-02
19	Trị hen vịt – tụ huyết trùng	Tetracyclin hydrocloride, Tylosin tartarat	Gói	5; 10; 20; 50g; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, hồng lỵ, lợn con phân trắng, phân xanh, viêm phổi, THT, CRD, CCRD cho bê, nghé, cừu, lợn	NGH-07
20	Trị cầu trùng	Sulphachlopyridazin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị cầu trùng, bệnh đường niệu, viêm dạ dày ruột, viêm phổi, THT trên gia cầm	NGH-49
21	CRD-Genotic	Gentamycin sulfate, Tylosin tartrate	Gói	2; 5; 7; 10; 20; 50 100; 500g	Trị bệnh đường ruột, hô hấp trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, gia cầm	NGH-54

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
22	Oxytetrasul	Oxytetracycline, Sulfadimidine	Gói	2; 5; 7; 10; 20; 50 100; 500g; 1; 2; 5kg	Trị tiêu chảy, hồng lỵ, viêm phổi, viêm phế quản, THT, cầu trùng trên lợn, thỏ, gia cầm	NGH-58
23	Kháng sinh ngan vịt	Norfloxacin; A.ascorbic	Túi, thùng	5; 10; 20; 50; 100 500g; 1kg	Trị tiêu chảy do E.Coli, Salmonella, thương hàn, THT, phân trắng, vàng, xanh, hen xuyễn, viêm đường hô hấp, CRD, viêm xoang	NGH-60
24	Úm gia cầm	Oxytetracyclin, Vit D_3, K_3, B_2	Túi, thùng	5; 10; 20; 50; 100 500g; 1kg	Trị THT, thương hàn, tiêu chảy cho gà, vịt. Tăng sức đề kháng, chống còi cọc	NGH-61
25	NGH-Anticoccid	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Túi	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên bê, cừu non, dê non, lợn, thỏ, gia cầm	NGH-64
26	Enro-2000	Enrofloxacin	Túi	5; 10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, hô hấp trên bê, nghé, dê, cừu non, gia cầm	NGH-65
27	Coli-1002	Trimethoprim Colistin sulfate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu chảy trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, gà, vịt, thỏ	NGH-74
28	Flor-400	Florfenicol	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg.	Trị tiêu chảy, Ecoli, thương hàn, phó thương hàn, nhiễm khuẩn hô hấp, viêm phổi do liên cầu, phế cầu, tụ huyết trùng trên lợn, gà, vịt	NGH-75

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
29	Bromhexin-100	Bromhexine HCL	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Tác dụng loãng đờm, tan đờm, hỗ trợ điều trị các bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	NGH-78
30	Thiamphenicol-10%	Thiamphenicol	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị thương hàn lợn, tiêu chảy, liên cầu khuẩn, tụ huyết trùng, trực khuẩn lỵ, đóng dấu trên bê, nghé, dê, cừu, chó, mèo, gà, vịt, thỏ	NGH-79
31	Amoxil-100	Amoxicillin trihydrate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng cấp, viêm phổi, viêm phế quản, viêm da, mô mềm, tụ huyết trùng trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	NGH-82

13. Doanh nghiệp tư nhân Nguyễn Cường

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	B-Complex	Vitamin: B_1, B_2, B_6	Gói	100; 200; 500; 1000g	Bổ sung vitamin nhóm B, điều trị bệnh thiếu vitamin	NC-01
2	Anticoccid-NC	Sunfamethoxin, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Điều trị bệnh cầu trùng	NC-03
3	Điện giải-Trứng-NC	Natriclorid, Natricitrat, Kaliclorid, Calcium gluconate	Gói	20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Tăng cường sức lực cho gia súc, gia cầm, chống nóng, giải độc, cân bằng và cung cấp chất điện giải điện giải	NC-08

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
4	Leva-NC	Levamisol HCL	Gói	2; 5; 7; 10; 15; 20; 50; 100g	Tẩy các loại giun tròn, giun phổi, giun móc, giun đũa ở lợn, gà, vịt, bê	NC-09
5	Nấm-NC	Nystatin, Flumequin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Trị các bệnh nấm, nấm phổi, nấm đường tiêu hóa ở gà, vịt, ngan, lợn	NC-11
6	Hen gà-Suyễn lợn	Erythromycin, Tetracyclin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh truyền nhiễm đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, gia cầm	NC-1
7	Antidiarrhee	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường tiết niệu, viêm dạ dày ruột, phân xanh, phân trắng trên gia cầm, lợn, thỏ, bê, nghé, dê, cừu con	NC-2
8	Coli-Coc-Stop	Colistin sulfate, Amoxicillin trihydrate	Gói	10; 20; 50; 100g; 1kg	Trị bệnh đường tiết niệu, viêm dạ dày ruột, viêm phổi, phế quản truyền nhiễm, viêm vú trên trâu, bò, lợn, dê, gia cầm	NC-4
9	E-S-T Vịt, Ngan	Erythromycin, Colistin sulfate.	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm phổi, viêm xoang mũi truyền nhiễm, THT, viêm ruột, ỉa chảy trên trâu, bò, lợn, gia cầm	NC-6
10	Colipig - Úm gia cầm	Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên bê, lợn, gia cầm	NC-7
11	Lợn tiêu chảy-NC	Oxytetracyclin HCL, Neomycin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm ruột ỉa chảy, thương hàn, phó thương hàn, bạch lỵ, tụ huyết	NC-10

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
					trùng, viêm phổi trên lợn, bê, nghé, cừu non, gia cầm	
12	NC-Doxycat	Doxycyclin	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, lợn	NC-21
13	Coli-Flugum-Stop	Flumequine	Gói.	5; 10; 20; 50; 100g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường ruột, nhiễm trùng máu, tiết niệu sinh dục trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	NC-26
14	Coli-Cocci-Stop	Trimethoprim, Sulfacholoropydazine	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	NC-27

14. Công ty TNHH thuốc thú y Năm Thái

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Anti-Gum	Paracethamol, Neomycin, Sulphaguanidine	Gói	10; 20; 50, 100g; 0,5; 1; 2; 5; 10, 20kg	Trị Gumboro, cúm và trị tiêu chảy cho gia súc, gia cầm	NT-2
2	T.I.C	Neomycin sulfate, Sulfaguanidin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10, 20kg	Trị bệnh đường ruột do vi khuẩn nhạy cảm Neomycin và Sulfagua – nidin gây ra trên gia súc, chó, mèo, gia cầm	NT-3

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
3	T.Colivit	Oxytetracyclin HCL, Neomycin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10, 20kg	Trị bệnh đường ruột, hô hấp trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, gia cầm	NT-4
4	T. Avimycin	Flumequin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10, 20kg	Trị bệnh đường ruột, hô hấp, niệu sinh dục trên lợn, gia cầm	NT-5
5	TĐG. Năm Thái Electralise	Các loại muối của Fe, Zn, Mg, Na,Cl, các Vit A, D, E	Gói	10, 20, 50, 100g 0,5; 1; 2; 5; 10, 20kg	Thuốc điện giải, chống nóng, giải độc, trợ lực	NT-8
6	Cầu trùng Năm Thái (T.EIMERIN)	Sulfachlozin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10, 20kg	Trị bệnh cầu trùng và cầu trùng ghép Coli bại huyết trên gà	NT-9
7	Tiêu chảy heo	Colistin, Sulfaguanidin	Gói	10, 20, 50, 100g 0,5; 1; 2; 5; 10, 20kg	Trị tiêu chảy, viêm ruột, rối loạn tiêu hóa và nhiễm khuẩn cho lợn, gia súc khác	NT-13
8	T. Cúm gia súc	Paracethamon	Gói	10, 20, 50, 100g 0,5; 1; 2; 5; 10, 20kg	Trị cảm, cúm, ngã nước	NT-14
9	T.Umgiaca	Neomycin sulphate, Lactose, Oxytetracycline HCL,	Gói	10; 20; 50; 100; 500; 1000g	Trị bạch lỵ, thương hàn, tiêu chảy, CRD, THT, viêm khớp, viêm phổi, xoắn khuẩn	NT-15

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
10	CCRD-Năm Thái	Spiramycin, Colistin, Lactose	Gói	10; 20; 50; 100; 500; 1000g 2; 5; 10, 20kg	Trị CRD, CCRD, khẹc vịt, bạch lỵ, thương hàn, tiêu chảy, suyễn lợn, tụ huyết trùng, viêm phổi	NT-19
11	Gentafam 2	Tylosin tartrate, Gentamicin, Vitamin A	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	NT-24
12	T.Flox.C	Norfloxacin, Vitamin C	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10, 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp mãn tính, tiêu chảy trên gia cầm	NT-25
13	Pig-Mix 1	Lincomycin HCL, Sulfamethazin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị viêm phổi, tiêu chảy trên lợn	NT-28
14	Pig-Mix 2	Tiamulin, Oxytetracyclin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm phổi truyền nhiễm, bệnh đường ruột trên lợn	NT-29
15	Gentafam 1	Tylosin tartrate, Gentamicin, Vitamin A	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10, 20kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	NT-32
16	Supercox	Sulphaquinoxalin, Diaveridin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10, 20kg	Trị bệnh cầu trùng đường ruột và manh tràng trên gia cầm	NT-39
17	T.Coryzine	Sulfamonomethoxi ne sodium	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 3; 5; 10kg	Trị sổ mũi truyền nhiễm, cầu trùng, tiêu chảy, viêm phổi trên trâu, bò, lợn, gia cầm	NT-53

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
18	Tylosin tartrate 98%	Tylosin tartrate	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn Mycoplasma gây ra ở gia súc, gia cầm	NT-58
19	Streptomycin sulphate	Streptomycin sulphate	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn mẫn cảm với streptomycin gây ra ở gia súc, gia cầm	NT-59
20	Penicillin potassium	Penicillin potassium	Lọ	10; 20; 50; 100; 500ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn gram(+) mẫn cảm với Penicillin gây ra ở gia súc, gia cầm	NT-60
21	Ampicoli-Thái	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu chảy, viêm ruột, tiết niệu trên bê, nghé, lợn, gia cầm	NT-61
22	Anti.CRD.L.A	Tylosin tatrate; Doxycycline hyclate	Gói	10; 20; 50; 100; 500; 1000g	Trị nhiễm khuẩn dạ dày ruột và đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Doxycycline gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm	NT-67
23	Fungicid	Nystatin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nấm phổi trên lợn, gia cầm	NT-68
24	Leva.20	Levamisol	Gói, bao	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị kí sinh trùng ở lợn và gia cầm	NT-69

TT	Tên sản phẩm	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
25	Pen-Step	Penicillin, Streptomycin	Chai	20ml (Penicillin : 1 triệu UI ; Streptomycin : 1g)	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin và Dihydro-streptomycin gây ra trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, chó, mèo	NT-70
26	Vitamin C99%	Vitamin C	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh thiếu vitamin C và trị stress, giải độc, chống nóng	NT-86

15. Công ty cổ phần Hải Nguyên

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	HN-Ampicin	Ampicilin	Gói	20; 50; 100; 500g	Đặc trị hen gà, khẹt vịt và ngan	HN-27
2	Fuo-xit	Sulfadimethoxine Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Phòng trị các bệnh nhiễm trùng dạ dày, ruột do vi khuẩn	HN-28
3	HN-ngan vịt	Bột hoàng liên, ma hoàng, bạch đàn	Gói	10; 20; 50; 100; 500; 1000g	Chủ trị bệnh gia cầm	HN-08
4	HN-Tab	Hoàng liên, phèn nhôm	Viên	1g	Trị viêm tử cung của gia súc	HN-09
5	HN-Castle	Nha đảm tử, mộc hương bắc, hậu phác, cao lá sim	Gói	10; 20; 50; 100; 500; 1000g	Trị tiêu chảy trâu bò	HN-10

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
6	HN-Úm gà, vịt	Hoắc hương, mộc hương bắc, sa nhân, giềng già, cam thảo, hoàng bá, trần bì	Gói	10; 20; 50; 100; 500; 1000g	Dùng úm gà, vịt, gan, ngỗng	HN-11
7	HN-Cocci-stop	Hoắc hương, vỏ rụt, hoàng nàn, gừng già, hoàng liên, mộc hương, hoàng bá	Gói	10; 20; 50; 100; 500; 1000g	Trị tiêu chảy gia cầm	HN-12
8	HN-Tiêu chảy chó, mèo	Hoàng bá, mộc hương, hậu phác, trần bì, hoàng liên	Gói	10; 20; 50; 100; 500; 1000g	Trị tiêu chảy chó, mèo	HN-13
9	HN-Tiêu chảy heo	Mộc hương, kha tử, hậu phác, trần bì, hoàng liên	Gói	10; 20; 50; 100; 500; 1000g	Trị tiêu chảy, chướng bụng, ăn không tiêu ở gia súc, gia cầm	HN-15
10	HN-Gumboro	Kali hydrocarbonat, Natrinitrat, Axitcitric, Vitamin B_1, B_2, PP,	Gói	10; 20; 50; 100; 500; 1000g	Trị bệnh Gumboro gà	HN-16
11	HN. Colisal	Trimethoprim, Colistin sulfate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim và Colistin gây ra trên bê, lợn, dê, cừu, gà, vịt	HN-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
12	HN. Neopast	Neomycin	Túi, hộp	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, thỏ, gia cầm	HN-29
13	HN. Leval	Levamisol	Túi, lon	2,5; 5; 10; 50; 100; 500g	Trị giun tròn trên gia súc, gia cầm	HN-32
14	HN-Ampicoli	Ampicilline, Colistin	Gói	50; 100; 200; 500g; 1; 2kg	Trị phân trắng lợn con, PTH, bệnh dấu son trên lợn Trị đau khớp, trên bê, nghé	HN-41
15	HN-Iodine	PVP iodine	Lọ	50; 100; 500ml; 1; 5l	Sát trùng chuồng trại, dụng cụ chăn nuôi, sát trùng vết thương	HN-42
16	HN-Coccid	Sulfaquinoxaline, Trimethoprim.	Gói, lon	10; 20; 50; 100; 500g	Trị cầu trùng trên lợn, gà, vịt, cút	HN-43

16. Công ty cổ phần xuất nhập khẩu dược thú y NASA

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	B-complex	Vitamin B_1, B_2	Gói	50; 100g	Bổ sung vitamin	NN-2
2	Ampitylo	Tylosin, Ampicillin, Vit A, B_1, C	Túi	10; 20g	Trị hen gà, suyễn lợn	NN-4

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
3	Tylo-Lactat	Tylosin, Vitamin B_1	Gói	10; 20; 50g	Trị nhiễm trùng đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm	NN-6
4	Noconizol	Norfloxacin, Vitamin B_1	Gói	10; 20; 50g	Trị CRD, ỉa chảy phân xanh, phân trắng, THT, phó thương hàn trên trâu, bò, lợn, gia cầm	NN-7
5	Thuốc trị lỵ và tiêu chảy	Berberin	Gói	10; 20; 50g	Trị tiêu chảy, kiết lỵ, viêm ruột, bạch lỵ, thương hàn, THT, phân trắng, phân xanh trên trâu, bò, lợn, gia cầm	NN-3
6	NN-Nacoc-ACB	Sulfachlorpyri-dazin	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị cầu trùng, phân trắng, phân có máu trên gia cầm, thỏ	NN-9
7	Anti-CRD	Colistin sulfate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng dạ dày, ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, thỏ, gia cầm	NN-10
8	NN-Colicocid	Trimethoprim, Colistin sulfate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim và Colistin gây ra trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	NN-11
9	NN-Doxy-Trứng	Doxycyclin hyclate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, hô hấp trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	NN-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
10	NN-Sulmix-Plus	Sulfadimidin, Trimethoprim,	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, niệu-sinh dục trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, chó, mèo, gia cầm	NN-13
11	NN-Gentacostrim	Gentamycine	Túi Lon	5; 10; 20; 50;100g 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do VK nhạy cảm với Gentamycine trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, gia cầm	NN-20
12	NN-Anticoli	Colistin	Túi PE, lon nhựa	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa do E.coli, Salmonella, Shigella, Klebsiella, Pseudomonas.	NN-21
13	NN tiêu chảy heo	Colistin, Sulphaguanidin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy heo	NN-8
14	Thuốc tẩy giun	Levamisole	Túi, lon	2; 4; 5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị giun	NN-22
15	Ampicol C	Colistin, Amoxycilline	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, niệu dục do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Amoxycilline	NN-23
16	Anti CRD	Doxycycline, Tylosin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g ; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline, Tylosin	NN-24
17	Flumequine 10%	Flumequine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do các vi khuẩn mẫn cảm với Flumequine	NN-26

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
18	Gentadox	Gentamicin, Doxycycline	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline, Gentamicin gây ra trên bê, nghé, lợn và gia cầm	NN-27
19	Kháng sinh ngan vịt	Colistin, Doxycycline	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Doxycycline gây ra trên bê, nghé, lợn và gia cầm	NN-28
20	NASA-Flordox	Florfenicol	Túi, lon, xô	5; 10; 20; 50; 100; 500g, 1; 5; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn Actinobacillus pleuropneumonie, Pasteurella multocida, Streptococcus suis, Bordetella bronchiseptica trên heo	NN-29
21	NASA-Antigum	Natri bicarbonate Potassium citrate Sodium citrate Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_6, B_{12}, K_3, C, Paracetamol	Túi, lon, xô	5; 10; 20; 50; 100; 500g, 1; 5; 10kg	Tăng cường sức đề kháng, phòng stress, bổ sung vitamin, trợ sức, trợ lực, giảm đau, hạ sốt, giúp nhanh chóng phục hồi sau khi mắc bệnh truyền nhiễm cho gia cầm	NN-31

17. Xưởng SXTN thuốc thú y - viện thú y quốc gia

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	VTY-Floxacin	Norfloxacin	Lọ	25; 50; 100; 200; 500 viên	Điều trị viêm phổi, CRD, hội chứng tiêu chảy ở gia súc, gia cầm	VTY-X-3
2	Tetracyclin HCL	Tetracyclin HCL	Lọ	25; 50; 100; 200; 500 viên	Trị bệnh đường hô hấp, sinh dục, tiết niệu	VTY-X-4
3	VTY-Colistin	Colistin sulfate	Lọ	25; 50; 100; 200; 500 viên	Trị phân trắng lợn con, phù đầu lợn, viêm nhiễm đường tiêu hóa, sinh dục tiết niệu ở gia súc, gia cầm	VTY-X-7
4	Kanamycin Sulfate	Kanamycin sulfate	Gói	1g	Trị bệnh do vi khuẩn Gr(+) và Gr (-)	VTY-X-10
5	B-Complex	Vitamnin nhóm B, methionin, lysin	Gói	50; 100; 500g; 1kg; 10kg	Tăng cường tổng hợp và hấp thụ lypide, glucide, protide, giúp tiêu hóa tốt,…	VTY-X-15
6	Tetracyclin Vimin	Tetracyclin, Vitamin	Gói	5; 10; 50; 100g	Phòng trị bệnh hô hấp mãn tính, viêm ruột, ỉa chảy, kiết lỵ, THT	VTY-X-26
7	Tẩy giun sán gia cầm	Phenothiazin	Gói	2.5g	Tẩy các loại giun đũa, giun kim, giun móc, giun chỉ	VTY-X-30
8	Trị hen suyễn, cầu trùng, CRD	Tylosin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 250g	Trị hen suyễn, cầu trùng, CRD	VTY-X-32

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
9	Tẩy giun sán chó mèo	Mebendazole, Nichlosamide	Gói	1,25g; 2,5g	Tẩy các loại giun đũa, giun kim, giun móc, giun chỉ	VTY-X-34
10	Vitamin B_1	Vitamin B_1	Viên	5mg,10mg	Phòng trị bệnh do thiếu vitamin	VTY-X-35
11	VTY-Apralac	Apramycin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000g	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Apramycin	VTY-X-46
12	VTY-Sulfaprim	Trimethoprim, Sulfamethoxazone	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường ruột, sinh dục, tiết niệu trên bê, nghé, dê con, cừu con, lợn, chó, mèo, gia cầm	VTY-X-8
13	VTY-Neocyclin	Neomycin, Oxytetracyclin	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg.	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, cừu, lợn, gia cầm	VTY-X-9
14	VTY-Ampi-Colis	Ampicillin, Colistin	Gói	10, 20, 50; 100; 250; 500; 1000gr.	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin; Colistin cho gia súc, gia cầm	VTY-X-49
15	Penicillin G potassium	Penicilling potassium	Lọ	1.000.000 UI	Điều trị các bệnh do vi khuẩn Gram (+) gây ra ở gia súc, gia cầm	VTY-X-1
16	Streptomycin Sulfat	Streptomycin sulfat	Lọ	1g	Điều trị các bệnh do vi khuẩn Gram (-) gây ra ở gia súc, gia cầm	VTY-X-2

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
17	Pen-Step	Penicillin G, Streptomycin	Lọ	1.500.000UI	Trị các bệnh do vi khuẩn Gram (+) và Gram (-) gây ra	VTY-X-27
18	VTY-Apramycin	Apramycin sulfate	lọ	1g	Trị các bệnh do vi khuẩn Gr (-), Gr (+) và Mycoplasma.	VTY-X-47
19	VTY-Tylosin tartrat	Tylosin tartrat	Lọ	0,5; 1g	Trị suyễn, viêm màng phổi, lỵ đỏ trên lợn Bệnh hô hấp mãn tính trên gia cầm	VTY-X-36

18. Công ty CP thuốc thú y Đức Hạnh (MARPHAVET)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Erymar	Erythromycine, vitamin B_1	Túi	5, 10, 20, 50, 100, 500g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, bệnh nấm ghép CRD ở gia cầm, bệnh suyễn lợn	MAR-15
2	Nofacoli	Norfloxacin, Tanin, vitamin B_1	Túi	5, 10, 20, 50, 100, 500g	Phòng và trị bệnh tiêu chảy của bê, gia cầm, bệnh đường tiêu hóa	MAR-16
3	CRD-myco	Enrofloxacin	Túi	5, 10, 20, 50, 100, 500g	Trị thương hàn, viêm ruột, tiêu chảy phân xanh, phân trắng, THT, viêm xoang mũi vịt	MAR-6
4	Salmocoli	Colistin, Vitamin B_1, B_2.	Túi	5, 10, 20, 50, 100, 500g	Trị viêm ruột, tiêu chảy do E.coli và Samonella, viêm đường hô hấp	MAR-17

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
5	Colisalcol	Flumequin	Túi	5, 10, 20, 50, 100, 500g	Trị vi khuẩn gây bệnh đường tiêu hóa như E.coli, Samonella	MAR-18
6	Tetra trứng	Oxytetracycline	Túi	5, 10, 20, 50, 100, 500g	Trị tụ huyết trùng, viêm khớp bò, bệnh đường hô, đường ruột	MAR-19
7	Úm gia cầm	Erythromycin	Túi	5, 10, 20, 50, 100, 500g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, bệnh nấm ghép CRD ở gia cầm	MAR-20
8	Coli oral	Colistin sulfate	Lọ, tuýp	10; 20; 50; 100ml	Trị các bệnh nhiễm trùng dạ dày - ruột do vi khuẩn nhạy cảm Colistin gây ra trên lợn con	MAR-8
9	Marcoc	Sulfaguanidine, Sulfadimidine	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột trên lợn, bê, cừu non, dê con	MAR-9
10	Ampicoli mar	Ampicilline	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicilline gây ra trên lợn, bê, nghé, gia cầm	MAR-10
11	Coli102	Trimethoprime, Colistin sulfate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprime, Colistin trên bê, dê, cừu, lợn,	MAR-11
12	Marquyl	Flumequine	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, lợn, gia cầm	MAR-3
13	Marcoc stop	Sulfaquinoxaline, Trimethoprime	Gói, lon, xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5kg	Phòng và trị cầu trùng, THT, thương hàn trên gia cầm	MAR-25

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
14	Mar-Doxy	Doxycycline	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị hô hấp, tiêu hóa trên bê	MAR-28
15	Paramar-C	Paracetamol	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Thuốc hạ sốt cho lợn	MAR-32
16	Marphamox-B	Amoxicilline trihydrate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do VK nhạy cảm với Amoxicilline trên bê, nghé, lợn và gia cầm	MAR-33
17	Doxy 2% primix	Doxycycline HCL	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên gia cầm	MAR-34
18	Marflormix	Florfenicol	Gói, lon, xô	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn	MAR-35
19	Tylovet	Tylosin (tartrate)	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh do vị chủng vi sinh vật nhạy cảm với Tylosin gây ra trên lợn	MAR-39
20	Marphamox-50%	Amoxicilline (trihydrate)	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với amoxicilline gây ra trên gà	MAR-44
21	Tetra Trứng	Oxytetracyclin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 3; 5kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với oxytetracyclin gây ra trên ngựa, bê, cừu, dê, lợn, thỏ, gà, chó, mèo	MAR-46
22	Amoxcoli	Amoxicilline (trihydrate)	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 3; 5kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với amoxicilline gây ra trên gà	MAR-47

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
23	Úm gà vịt ngan	Amoxicilline (trihydrate)	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxicilline gây ra trên gà	MAR-49
24	Marbrom-Hen khẹc	Bromhexin (HCL)	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 3; 5kg	Long đờm ở ngựa con, lợn, bê, cừu non, dê non, gia cầm, chó, mèo	MAR-50
25	Kháng sinh tổng hợp	Colistin (sulfate) Oxytetracycline	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 3; 5kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với oxytetracycline và colistin gây ra trên bê, heo con	MAR-51
26	Tetra 50%	Oxytetracyclin (HCL)	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 3; 5kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với oxytetracycline trên bê, cừu, dê, lợn, thỏ, gia cầm	MAR-52
27	Doctor Hen	Doxycycline (hyclate)	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với doxycycline gây ra trên bê, lợn, gà	MAR-53
28	Ampi-Sulfa	Ampicilline trihydrate Sulfadimethocin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, bệnh do vi khuẩn Colibacillus và Salmonella trên bê, cừu, dê, lừa con, lợn	MAR-55
29	Methocin	Sulfadimethocin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh đường ruột và coccidia trên bê, cừu, dê, lợn, thỏ, gia cầm	MAR-56

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
30	Ampicolis	Ampicilline trihydrate Colistine sulfate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy do E.Coli K99 gây ra trên bê	MAR-63
31	Coli-Sulfa	Colistine sulfate Sulfadimidine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn ở dạ dày, ruột nhạy cảm với colistine và sulfadimidine trên bê, cừu	MAR-64
32	Martin premix	Ivermectin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm ký sinh trùng trên lợn	MAR-66
33	Enrocin 20%	Enrofloxacine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacine gây ra trên gia cầm, lợn	MAR-67
34	OTC Premix	Oxytetracycline	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn nhạy cảm với oxytetracyclin trên Bê, cừu non, dê non, lợn, gia cầm	MAR-68
35	Anti E.coli	Ampicilline trihydrate Colistine sulfate	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh đường ruột nhạy cảm với ampicillin và colistin trên bê, cừu, dê, gia cầm	MAR-70
36	Viêm vú bò sữa	Cefalexine	Chai, ống bơm	5; 10; 20; 50; 100; 250ml	Trị viêm vú nhạy cảm với cefalexine trên bò sữa	MAR-71
37	Nanococstop	Sulfadimethoxin Trimethoprime	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng huyết trên bê non, nhiễm trùng hô hấp, viêm khớp, viêm màng trên bê	MAR-75

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
38	Nanodoxy	Doxycycline	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, đường tiêu hóa trên bê	MAR-76
39	OTCS-mix	Oxytetracycline Sulfadimidine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh nhiễm trùng ở đường hô hấp trên bê, cừu, lợn	MAR-78
40	Cầu trùng nano	Sulfaguanidine Sulfadimidine	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột trên ngựa, bò, cừu, dê, lợn	MAR-79
41	Nano úm	Oxytetracycline	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, đường tiêu hóa trên lợn, dê, chó, thỏ, gia cầm	MAR-81
42	Nanopro trứng	Oxytetracycline	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm ruột trên ngựa, bê, cừu, dê, lợn, thỏ, gà, chó, mèo	MAR-83
43	Doxymix	Doxycycline	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên gia cầm	MAR-89

19. Công ty cổ phần PROVET Việt Nam

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Promoxy 15%	Amoxycilline, Aerosil.	Gói, lon	10; 20; 50; 100; 500g 50; 100; 500g	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilline trên bê, ghé, lợn, gia cầm	PRO-01

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
2	Coli 500	Trimethoprime, Colistin.	Túi, lon	10; 20; 50; 100g 50; 100; 500g	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprime và Colistin gây ra	PRO-08
3	Superquin	Flumequine.	Túi, lon	10; 20; 50; 100g 50; 100; 500g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Flumiquine	PRO-09
4	Procoli	Neomycine sulphate, Colistin sulphate.	Túi, lon	10; 20; 50; 100g 50; 100; 500g	Trị nhiễm trùng đường ruột do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycine và Colistin gây ra	PRO-10

20. Công ty CP dược phẩm xanh Việt Nam (GREENPHARMA)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Colicin	Sulphamethoxazol, Trimethoprim	Gói, hộp	10g, 20g, 50g, 100g, 200g, 500g, 1, 10kg	Trị các bệnh tiêu chảy trên lợn như phân trắng, viêm ruột hoại tử, PTH	GRP-1
2	Tylovet-50	Tylosin tartrate	Gói, hộp	10g, 20g, 50g, 100g, 200g,500g, 1kg, 10kg	Trị bệnh gây ra do Mycoplasma ở gia súc, gia cầm như CRD, suyễn lợn	GRP-2
3	Doxy-20%	Doxycyclin	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg, 5kg, 25kg	Trị bệnh nhiễm khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin trên gia súc, gia cầm	GRP-6

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
4	C-75	Colistin sulphate	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên gia súc, gia cầm	GRP-7
5	Flu-Q 100	Flumequine	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn Gr (-) trên gia súc, gia cầm	GRP-8
6	Tylan-Dox	Doxycyclin Tylosin Tartarate	Gói, hộp	10, 20, 50, 100, 250, 500g 1kg	Trị các bệnh gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin và Tylosin	GRP-9
7	Megacin	Oxytetracylin, Neomycin sulfate	Gói, hộp	10, 100, 250, 500g 1, 10kg	Trị viêm nhiễm gây ra bởi vi khuẩn mẫn cảm với Oxytetracylin và Neomycin trên bê, dê, lợn và gia cầm	GRP-10

21. Công ty TNHH Vương Việt Anh

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	VVA-Ampicoli	Ampicilline, Colistin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, viêm ruột, viêm phổi, viêm xoang, móng, viêm khớp, viêm rốn, nhiễm trùng máu, tiết niệu trên trâu, bò, dê, cừu, lợn, gia cầm	VVA-1

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
2	VVA-Ampisep	Ampicilline, Sulfadimethoxine	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, nhiễm khuẩn máu, sinh dục, tiết niệu trên bê, nghé, dê cừu non, ngựa non, lợn, gia cầm	VVA-2
3	VVA-Colicoli	Colistin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng dạ dày, ruột do vi khuẩn Gr (-) nhạy cảm với Colistin gây ra trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, thỏ, gia cầm	VVA-3
4	VVA-Doxytylan	Doxycycline, Tylosin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị viêm dạ dày - ruột và đường hô hấp, gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin và Doxycycline trên bê, nghé, dê, gia cầm, cừu, lợn	VVA-4
5	VVA-Doxycoli	Doxycycline, Colistin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp gây ra bởi các vi khuẩn nhạy cảm với Doxy-cycline và Colistin gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm	VVA-5
6	VVA-Flumix (Kháng sinh vịt)	Flumequine	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị các nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa trên ngan, gà vịt, ngỗng, gia súc	VVA-6

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
7	VVA-Enro 10%	Enrofloxacin, Vitamin C	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị viêm nhiễm đường hô hấp mãn tính (Mycoplasma kết hợp E.coli), CRD, CCRD, sưng phù đầu, tiêu chảy do E.coli, tụ huyết trùng, thương hàn ở gia súc, gia cầm	VVA-7
8	VVA-Gentadox	Doxycycline, Gentamycine	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline và Genta-mycine trên bê, nghé, lợn và gia cầm	VVA-8
9	VVA-Nemato	Levamisol	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Tẩy giun tròn nhạy cảm với Levamisole trên trâu, bò, cừu, dê, lợn, gia cầm	VVA-9
10	VVA-Neocoli	Neomycin, Colistin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, viêm phổi, viêm móng, khớp, viêm vú, viêm tử cung trên gia súc, gia cầm	VVA-10
11	VVA-Tetracolivit	Oxytetracycline HCL, Colistin sulfate, Vitamin A, D_3, E, K_3, B_{12}, B_2, Calcium antothenate, Nicotimic	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh hô hấp, tiêu hóa trong giai đoạn úm gà, vịt, ngan, cút	VVA-11

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
12	VVA-Gentatylan	Gentamycine, Tylosin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	VVA-12
13	VVA-Coccid (Avicoc)	Sulfaquinoxaline sodium, Diaveridine	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh cầu trùng trên gia cầm	VVA-13
14	VVA-Amoxcoli	Amoxycilline, Colistin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày - ruột, đường hô hấp, đường tiểu gây ra bởi các vi sinh vật nhạy cảm với colistin và amoxycilline trên bê, nghé, dê non, cừu non, heo, gia cầm	VVA-14
15	VVA-Antigumboro	Potassium citrate, Sodium citrate, Vitamin B_1, B_2, B_6, K_3, C, PP, Paracetamol, Methionine, Lysine	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng bệnh Gumboro, bổ sung vitamin, trợ sức, trợ lực, giảm đau, hạ sốt, tăng sức đề kháng cho gia cầm	VVA-15
16	VVA-B Complex	Vitamin B_1, B_2, B_3, B_5, B_6, B_{12}	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh do thiếu Vitamin nhóm B, kích thích tăng trọng. Tăng cường sức khỏe cho thú còi, suy nhược sau khi bệnh hoặc sinh đẻ trên gia súc, gia cầm	VVA-16

22. Công ty TNHH thuốc thú y Việt Nam (PHARMAVET CO., LTD)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Phar-neosol	Neomycin, Oxytetracyclin	Gói	10, 20, 50, 100, 500g, 1kg	Trị nhiễm khuẩn hô hấp, tiêu hóa	Phar-09
2	Nấm phổi GVN	Nystatin	Gói	10, 20, 50, 100g, 250, 500g, 1kg	Trị nấm phổi, nấm miệng, rối loạn tiêu hóa do kháng sinh phổ rộng	Phar-25
3	Phartigumb	Paracetamol, Vit. C	Gói	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị bệnh gumboro, thuốc bổ tổng hợp	Phar-29
4	D.T.C VIT	Doxycyclin,Vit C, Tylosin	Gói	10, 20, 50, 100, 250, 500g, 1kg	Trị hen gà, sưng phù đầu vịt ngan	Phar-30
5	Doxy-sul-trep	Doxycyclin, Sulfamid	Gói, lon	5,10, 20, 50, 100g 500, 1000g	Trị các bệnh nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, da và mô mềm ở chó, lợn	Phar-35
6	Pharotin-K	Vitamin: A, D, H, Khoáng vi lượng	Gói	10, 20, 50, 100, 500, 1000g	Trị rụng lông, nứt móng, bệnh về da lông	Phar-40
7	PTH-Pharma	Thiamphenicol	Gói Hộp	10; 20; 50g 100g; 1; 5kg	Trị PTH, viêm ruột, THT, viêm phổi, viêm tử cung, viêm khớp của bê, lợn, chó, mèo, gia cầm	Phar-49
8	Ampi-col	Ampicilin, Colistin	Gói Hộp	10; 20; 50g 100g; 1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn do E.coli, THT, PTH, cho bê, lợn, chó, mèo và gia cầm	Phar-44

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
9	Tylosin tartrat	Tylosin tartrat	Gói Hộp	10; 20; 50g 100g; 1; 5kg	Trị viêm đường hô hấp của gia súc, gia cầm, bệnh hồng lỵ của lợn	Phar-46
10	Dia-Pharm	Neomycin sulfat salt Colistin sulfat salt.	Gói Hộp	5; 10; 100; 250; 500g; 1; 5kg	Phòng, trị nhiễm trùng đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Neomycin và Colistine gây ra	Phar-50
11	Pharcado	Niclosamid, Levamisol HCL;	Gói Hộp	2; 4; 10; 20; 50; 100g	Trị kí sinh trùng ký sinh trên ống tiêu hóa, phổi, tim, sán dây ở chó mèo	Phar-51
12	Pharmpicin	Trimetroprim, Colistin sulfat salt;	Gói Hộp	5; 10; 100; 250; 500g 1; 5kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Trimethoprim gây ra	Phar-52
13	Pharcaris	Levamisol.	Gói, hộp	2; 4; 10; 50; 100; 250; 500g 1; 2; 5kg	Trị KST ký sinh trong ống tiêu hóa như giun đũa, giun xoăn, giun kết hạt	Phar-54
14	Pharmequin	Flumequin	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Phòng, trị các bệnh nhiễm trùng đường hô hấp và tiêu hóa do vi khuẩn Gr(-)	Phar-55
15	Phar-Coccitop	Sulfaclopyrazin	Gói thiếc	10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5kg	Trị cầu trùng, các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với sulfamid	Phar-01

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
16	CRD-pharm	Doxycyclin, Tiamulin	Gói thiếc	10, 20, 50, 100 ,500g, 1kg	Trị các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin, Tiamulin	Phar-03
17	Pharticoc-plus	Sulfaquinoxalin Sulfadimidin	Gói thiếc	10, 20,50, 100g	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfaquinoxalin và Sulfadimidin	Phar-05
18	Pharcolivet	Sulfadimethoxin Ampicilin	Gói thiếc	10, 20, 50, 100, 500g, 1, 5kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadime-thoxin và Ampicilin	Phar-18
19	Pharamox	Amoxycillin	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Điều trị các nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	Phar-56
20	Phar-Dectocid	Albendazol	Lọ	10; 20; 50; 100 viên	Trị giun ký sinh trong ống tiêu hóa, phổi, sán dây, sán lá gan trên trâu, bò, dê, cừu	Phar-58
21	Phar-Poltrim	Sulfachlopyridazin, Trimethoprim	Gói, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Điều trị các bệnh tiêu hóa, hô hấp trên gia cầm	Phar-59
22	Pharm-flor	Florfenicol	Gói	20; 50; 100; 500g; 1; 2 5; 10kg	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra trên lợn	Phar-84
23	Ery-pharm	Tetracyclin, Erythromycin	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị viêm đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Tetra-cyclin, Erythromycin gây ra trên gia cầm, thỏ	Phar-86

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
24	Ampi-pharm	Ampicillin , Erythromycin	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5kg	Trị bệnh đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin, Erythromycin trên gia cầm	Phar-87
25	Fasio-pharm	Triclabendazol	Gói	5; 6; 12; 24; 50; 100; 500g; 1kg	Thuốc tẩy sán lá gan trên trâu, bò, dê, cừu	Phar-88
26	Para-C Mix	Paracetamol	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5kg	Thuốc hạ sốt, giảm đau trên heo, gia cầm	Phar-89
27	Giamho-B	Bromhexin HCL	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5kg	Tác dụng long đờm, giảm ho	Phar-90
28	Teramix-Pharm	Oxytetracyclin HCL; Vitamin A, B_2, B_{12}, K, PP; D-pantotenic acid	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục và nhiễm khuẩn máu trên gia cầm	Phar-91
29	Caticoc-Pharm	Sulfadimidin, Diaveridin	Gói, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5kg	Trị cầu trùng, vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimidin, Diaveridin trên gia súc, gia cầm	Phar-93
30	Corymax-Pharm	Erythromycin, Oxytetracyclin	Gói, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn tiêu hóa, hô hấp trên gia cầm	Phar-94
31	Moncoc-Pharm	Sulfaquinoxalin, Diaveridin	Gói, lon	10; 20; 50; 100; 500g;1; 5kg	Trị cầu trùng, vi khuẩn mẫn cảm với Sulfaquinoxalin, Diaveridin trên gia cầm	Phar-97

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
32	TC-Pharm	Sulfaguanidin, Colistin	Gói, lon	7; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5kg	Trị tiêu chảy, nhiễm khuẩn tiêu hóa do các vi khuẩn mẫn cảm với Sulfaguanidin, Colistin trên gia súc	Phar-98
33	Tieu chay 2S	Sulfaguanidin, Sulfadimidin	Gói, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5kg	Trị tiêu chảy, cầu trùng, nhiễm khuẩn tiêu hóa do các vi khuẩn mẫn cảm với Sulfaguanidin, Sulfadimidin trên gia súc	Phar-99
34	Enroflox 5%	Enrofloxacin	Gói, lon	10, 20, 50, 100, 500, 1000g	Trị bệnh do E.coli, phó thương hàn, tụ huyết trùng, bạch lỵ ở gia cầm	Phar-34
35	Phar-trypazen	Diminazen	Lọ	1,18; 2,36g	Trị KST đường máu ở trâu, bò, cừu	Phar-45

23. Xí nghiệp thuốc thú y Trung ương

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Tetracyline	Tetracyline	Lọ	500 v	Ức chế tổng hợp protein vi khuẩn	TW-XI-25
2	Tetracyline	Tetracyline	Lọ	500 v	Ức chế tổng hợp protein vi khuẩn	TW-XI-26

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
3	Rhodal	NH_3SCN	Gói	5; 10; 20; 50g	Trị tiêu chảy, phân trắng lợn con	TW-XI-29
4	Glucose	Đường gluco	Gói	20; 50; 100g	Bồi bổ, giải độc, giải nhiệt	TW-XI-33
5	Vitamin B_1	Vitamin B_1	Lọ	500 viên	Trị tê phù, đau dây thần kinh, suy nhược cơ thể, rối loạn tiêu hóa	TW-XI-34
6	Vitamin C	Vitamin C	Lọ	500 viên	Trị bệnh do thiếu vitamin C, tăng sức đề kháng, chống Stress	TW-XI-35
7	Vitamin C 10%	Vitamin C	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Hạ nhiệt, hạ sốt, tránh Stress do thay đổi thời tiết, vận chuyển	TW-XI-66
8	Doxylin	Doxycyclin	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp	TW-XI-67
9	Tetracyclin	Oxytetracyclin	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh do vi khuẩn Gr(+) và Gr(-) gây ra	TW-XI-68
10	Vitamin B-Complex	Vitamin B_1, B_2, B_6, PP	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh do thiếu vitamin nhóm B, giải độc trợ lực, rối loạn trao đổi chất	TW-XI-72
11	Sulfatrim 480	Sulfamethoxazole, Trimethoprim	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Phòng và trị viêm phế quản, viêm xoang, phân trắng, tiêu chảy ở gia cầm	TW-XI-73
12	Phu-TCT3	Sulfachlorpyridazin	Túi	10; 20; 50; 100; 500g	Trị cầu trùng ỉa ra máu tươi, tiêu chảy, phân trắng, thương hàn, THT gia cầm	TW-XI-74

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
13	Phucosomic	Sulfachlorpyridazin, Trimethoprim	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, phân trắng, PTH, THT, viêm phổi, hen suyễn ở lợn do Mycoplasma	TW-XI-76
14	Levamisol 5%	Levamisol	Gói	4; 5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Tẩy các loại giun tròn	TW-XI-77
15	Sultrim	Sulfachlorpyridazin, Trimethoprim,	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị cầu trùng, thương hàn, tụ huyết trùng, bệnh nhiễm trùng do E.coli của gia cầm	TW-XI-78
16	Tylosin	Tylosin	Gói	10; 20; 50; 100g	Phòng và trị CRD, viêm mũi, viêm phế quản, viêm xoang, viêm phổi, hen xuyễn trên gia súc, gia cầm	TW-XI-79
17	Neo-Colistin	Colistin, Neomycin,	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Phòng và trị nhiễm trùng đường tiêu hóa trên, trâu, bò, lợn, dê, cừu, thỏ, gia cầm	TW-XI-80
18	Neo-Teramycin	Neomycin, Oxytetracyclin,	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột do E.coli, Salmonella, viêm phổi, CRD, CCRD, tụ huyết trùng trên lợn, bê cừu, gia cầm	TW-XI-81
19	Vetva Doxin	Doxycyclin Hyclate Tylosin tartrate	Gói, bao	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 3; 4; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm trùng dạ dày, ruột trên bê, dê, cừu, heo, gia cầm	TW-XI-93

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
20	Vetva Amoxcoli	Colistin sulfate Amoxycillin trihydrate	Gói, xô, hộp	5; 10; 20; 50; 100; 200; 250; 500g; 1kg	Trị tụ huyết trùng, tiêu chảy, hồng lỵ, thương hàn, phó thương hàn, viêm phổi, viêm dạ dày - ruột, ỉa chảy do E.Coli và Salmonella, CRD trên gia súc, gai cầm	TW-XI-95
21	Penicillin G Potassium	Penicillin	Lọ	500.000 IU	Trị khuẩn gr (+) (tụ cầu, liên cầu, phế cầu khuẩn)	TW-XI-22
22	PenicillinGpotassium	Penicillin	Lọ	1.000.000 IU	Diệt khuẩn gr (+) (tụ cầu, liên cầu)	TW-XI-23
23	Streptomycin Sulfat	Streptomycin	Lọ	19	Diệt khuẩn Gr (-) (cầu khuẩn, trực cầu khuẩn, trực khuẩn)	TW-XI-24

24. Công ty phát triển công nghệ nông thôn (RTD)

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Vitamin C	Vitamin C	Gói	50, 100g, 1kg	Bổ sung thức ăn, tăng cường sức đề kháng, chống stress	RTD-04
2	DL-Methionine	DL-Methionine	Gói	50; 100; 500g; 1; 2kg	Giúp tổng hợp cholin, acid nucleotic, chuyển hóa, mỡ, giải độc, tăng cường chức năng gan	RTD-05

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
3	Đường Glucoza	Đường Glucoza	Gói	100g, 500g, 1kg	Cung cấp năng lượng, giải độc trong các trường hợp nhiễm độc	RTD-06
4	AD-B Complex	Vitamin A, D_3, B_2, B_6, B_1, Methionine	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg	Phòng và chữa các bệnh thiếu vitamin nhóm A, B, D, các trường hợp rối loạn trao đổi chất, trợ lực, giải độc, kích thích tăng trưởng	RTD-08
5	Tetramycine 500	Tetracycline HCL Vitamin A; D_3; E	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg	Phòng và trị các bệnh như : hô hấp mãn tính, viêm đường ruột, tiêu chảy, cầu trùng	RTD-13
6	RTD-Neocoli	Neomycine, Colistin sulfate	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1,5, 10kg	Trị bệnh đường ruột, tiêu chảy, phân xanh, phân trắng, phân vàng, toi thương hàn, E.coli, phù đầu ở gia súc, gia cầm	RTD-14
7	Eramix	Ampicillin, Erythomycin	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg	Dùng úm gà vịt, cút con 1-3 tuần tuổi, trị bệnh đường hô hấp, đường ruột cho gia cầm: viêm rốn, CRD, E.coli, Salmonella	RTD-15
8	RTD-Coli S	Trimethoprim Colistin sulfate	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg	Trị ỉa chảy mất nước, phân trắng, phân xanh, hô hấp mãn tính, sưng mắt, phù đầu, chướng bụng đầy hơi, bệnh Gumboro ghép Coli, CRD	RTD-17

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
9	B-Complex	Vitamin B_1 Vitamin	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200 500g, 1; 2; 5; 10kg	Phòng và chữa các bệnh do thiếu Vit nhóm B , rối loạn trao đổi chất, trợ lực, giải độc	RTD-19
10	Điện giải AC	Vitamin C, Acid Citric	Gói	50, 100, 200, 500g, 1; 2; 5; 10kg	Dùng trong trường hợp mất cân đối điện giải do bị mất nước gây ra bởi các bệnh đường ruột, chống sốc cho gia súc, gia cầm chuyển chỗ, bị stress, trợ sức, trợ lực	RTD-22
11	Gum gà	Vitamin C, Oxtetraxycline	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg	Dùng phối hợp trong điều trị bệnh Gumboro và những bệnh kế phát gây ra ở gia cầm	RTD-23
12	Flumeq	Flumequine	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg	Dùng phòng và điều trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine	RTD-24
13	RTD-Coccicid 1	Sulfaclosine	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg	Trị cầu trùng, ỉa chảy và các bệnh nhiễm khuẩn	RTD-25
14	Tẩy giun sán	Fenbendazole	Gói	2,5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg	Tẩy giun sán ở phổi, ở đường ruột, thận cho trâu, bò, heo, gà, vịt, chó mèo	RTD-28
15	Tylosin 98%	Tylosin tatrate	Gói	2,5, 10, 20,50, 100, 200, 500g, 1; 5; 10kg	Phòng và trị các bệnh đường hô hấp gây ra do Mycoplasma ở gà, suyễn, viêm phổi, màng phổi, lỵ ở lợn	RTD-29

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
16	Vitamin B_1	Vitamin B_1	Gói	50, 100, 200, 500g, 1kg	Bổ sung Vitamin B_1, tăng cường sức đề kháng khi thay đổi thời tiết	RTD-30
17	RTD-Tetra trứng	Oxytetracycline Vitamin A, D_3, E, K_3, B_2, B_5, PP	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg	Phòng bệnh cho gia cầm đẻ trứng, tăng năng xuất trứng, kéo dài thời gian cao sản, tăng tỷ lệ thụ tinh và ấp nở	RTD-34
18	ADE-Bcomplex	Vitamin A, D_3, E, B_1, B_2, B_5, B_{12}, PP, K Lysine, Methionine	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg	Kích thích tiết sữa, tăng sức đề kháng, tăng mức sinh sản cho gia súc, gia cầm	RTD-36
19	RTD-Amcolicillin	Ampicillin trihydrat, Colistin sulfate	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g,1kg	Trị bệnh đường ruột do vi khuẩn Gr(-) và Gr (+), thương hàn, THT, phân xanh, phân trắng	RTD-40
20	Nước cất	H_2O	Chai	10, 20, 50, 100ml	Pha dung dịch thuốc nhỏ mắt, tiêm, pha thuốc	RTD-45
21	RTD-Amoxy comby	Amoxyllin, Colistin Sulfat	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg	Trị các bệnh đường hô hấp và tiêu hóa, thương hàn, phó thương hàn, THT, CRD,…	RTD-47
22	RTD-Hen gà-Suyễn lợn	Tiamulin, Tetracyclin, Theophylin	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500g, 1kg	Trị thương hàn, CRD, tụ huyết trùng, viêm phổi, viêm xương, viêm tử cung, viêm khớp	RTD-48

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
23	RTD-Vitamin C	Acid ascorbic	Gói	50, 100, 200, 500g, 1kg	Chữa các bệnh thiếu Vitamin C, tăng sức đề kháng của cơ thể	RTD-50
24	RTD-T.Analgin	Analgin	Ống, lọ	2, 5, 10, 20, 100ml	Hạ sốt cho gia súc, gia cầm	RTD-51
25	RTD-Vitamin B_{12}	Cyanocobalamin	Ống, lọ	2, 5, 10, 20, 100ml	Trị bệnh do thiếu Vitamin B_{12}, viêm thần kinh, tăng quá trình trao đổi chất	RTD-52
26	RTD-Vitamin C	Vitamin C	Ống, lọ	5, 10, 20, 100ml	Trị bệnh do thiếu Vitamin C	RTD-53
27	RTD-Vitamin B_1	Vitamin B_1-2,5%	Ống, lọ	5, 10, 20, 100ml	Trị bệnh do thiếu Vitamin B_1	RTD-54
28	RTD-Lincomycin	Lincomycin	Ống, lọ	5, 10, 20, 100ml	Trị viêm phổi, suyễn, viêm vú, viêm tử cung, sảy thai truyền nhiễm, tiêu chảy dạng lỵ heo	RTD-55
29	RTD-Cafein Nabenzoat	Cafein natri benzoat	Ống, lọ	5, 10, 20, 100ml	Giảm đau, chữa đau bụng co thắt, chống nhiễm độc các hợp chất Phot pho hữu cơ	RTD-56
30	RTD-Fe + B_{12}	Ferrum-Dextran Cyanocobalamin	Ống, lọ	5, 10, 20, 100ml	Phòng, trị thiếu máu ở heo con, thiếu máu do nhiễm trùng hay do mất máu quá nhiều	RTD-57

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
31	RTD-Strychnin Sulfat 0,2 %	Strychnin sulfat	Ống, lọ	5, 10, 20, 100ml	Kích thích trung khu vận động của hệ thần kinh trung ương, điều hòa, kích thích tiêu hóa, tuần hoàn, hô hấp	RTD-58
32	RTD-Tiamulin 10%	Tiamulin hydrogenfumarat	Ống, lọ	5, 10, 20, 100ml	Trị suyễn, viêm phổi truyền nhiễm, hồng lỵ ở lợn, CRD, viêm xoang mũi truyền nhiễm ở gia cầm	RTD-59
33	RTD-Atropin sulfat	Atropin sulfat	Ống, lọ	2, 5, 10, 20, 100ml	Giảm đau, chữa đau bụng co thắt, chống nhiễm độc các hợp chất Photpho hữu cơ	RTD-60
34	RTD-Tylosin 50	Tylosin tatrat	Ống, lọ	5, 10, 20, 100ml	Chữa trị và phòng các bệnh viêm nhiễm đường hô hấp, hen, khẹc…	RTD-61
35	RTD-Kanamycine 10%	Kanamycin	Ống, lọ	5, 10, 20, 100ml	Trị tụ cầu khuẩn, nhiệt thán, viêm phúc mạc, viêm phổi truyền nhiễm ở lợn	RTD-62
36	RTD-Entril 5%	Enrofloxacin	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Điều trị các bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm, hen suyễn, bệnh CRD, các bệnh đường ruột gây ra bởi Salmonella, E.Coli	RTD-64
37	RTD-T.Spectino	Spectinomycine	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100, 200, 500ml, 1, 2, 5l	Điều trị các chứng viêm nhiễm trùng đường ruột, bệnh phân trắng ở lợn con	RTD-66

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
38	RTD-Bcomplex	Vit B_1, B_2, B_6, PP, B_2, Caxipantothenate	Lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100ml	Trị các bệnh do thiếu Vitamin nhóm B	RTD-68
39	RTD-Polyvitamin	Vitamin A; B_6; D_3; PP; E; K_3, B_1, C:	Ống, lọ	2, 5, 10, 20, 50, 100, 250, 500ml, 1l	Bổ sung Vitamin, còi cọc, suy sinh dưỡng, rối loạn sinh sản, các bệnh ngoài da, rụng lông	RTD-69
40	RTD-O.C.D	Oxytetracyclin, Spiramycine, Dexa	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm ruột, tiêu chảy, bệnh phân trắng, phó thương hàn, tụ huyết trùng	RTD-72
41	Coli-RTD	Tylosin, Colistin Dexamethazone	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa, sinh dục, suyễn, tiêu chảy phân trắng, phân xanh, thương hàn ghép E.coli	RTD-74
42	RTD-Tylogendex	Gentamycine, Tylosin Dexamethazone	Ống, lọ	5, 10, 20, 50, 100ml	Chữa viêm phổi, viêm ruột, viêm tử cung, thương hàn, viêm kiết lỵ, Lepto, CRD, sổ mũi truyền nhiễm ở gà tây	RTD-76
43	RTD-Ka-Ampi	Ampicillin Kanamycin	Ống, lọ	1g, 5g, 10g	Trị viêm ruột, ỉa chảy, phù thũng, viêm phổi, suyễn, cầu trùng, đóng dấu, tụ huyết trùng	RTD-77
44	RTD-Tylogen	Gentamycin Tylosin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, suyễn, viêm vú, bệnh kiết lỵ ở heo, viêm xương, viêm khớp	RTD-78

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
45	RTD-Katialin	Tiamulin, Kanamycin	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị tụ huyết trùng lợn, trâu, bò, hồng lỵ, cúm lợn, hen gà	RTD-81
46	RTD-Chlotedex	Tiamulin, Tetracyclin Dexamethason Lyndocain	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm nhiễm đường hô hấp, tiêu hóa, niệu dục, bệnh viêm da,THT, đóng dấu, viêm phổi, tiêu chảy ở gia súc, gia cầm	RTD-82
47	RTD-nemocin	Chlotetracyclin, Tiamulin, dexa	Ống, lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị viêm phổi, xoắn khuẩn, hồng lỵ ở lợn, CRD ở gà, viêm ruột, ỉa chảy, THT, bạch lỵ	RTD-83
48	RTD-Enflox-Gold	Enrofloxacin hydroclorid	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100ml; 200; 500ml; 1 lít	Trị tiêu chảy, phân xanh, phân trắng, viêm ruột, thương hàn, THT, viêm phổi, CRD và các bệnh đường tiết niệu	RTD-84
49	RTD-Norflox RT	Norfloxacin hydroclorid	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị tiêu chảy, viêm ruột, thương hàn, THT, viêm phổi, CRD, các bệnh đường tiết niệu	RTD-85
50	RTD-Norflox-Gold	Norfloxacin hydroclorid	Lọ, chai	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1 lít	Trị tiêu chảy, viêm ruột, thương hàn, THT, viêm phổi, CRD, các bệnh đường tiết niệu	RTD-86
51	RTD-Ivermectin	Ivermectin	Lọ, chai	5, 10, 20, 100ml	Trị nội ngoại ký sinh trùng cho trâu bò, ngựa ,dê, lợn, chó mèo, thỏ, thú cảnh	RTD-87

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
52	RTD-Doxyvet CRD	Doxycyclin Dexamethason	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100ml	Điều trị các bệnh hen suyễn CRD, CCRD	RTD-88
53	RTD-Linco SP20	Lincomycin, Spectinomycine	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp ở gia cầm, ho hen, khò khè, chảy nước mắt, mũi, vẩy mỏ, há mỏ ngáp	RTD-89
54	Antibio-Rutech	Ampicillin trihydra, Colistin, Dexamethason natri phosphat	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu, bệnh do xoắn khuẩn, do Ricketsia, hồng lỵ, viêm phổi, màng phổi, THT, đóng dấu	RTD-90
55	RTD-Ampitylo-D	Ampicillin trihydrat Tylosin tartrat Dexamethason	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị viêm đường tiết niệu, các bệnh do xoắn khuẩn, Ricketsia, hồng lỵ, viêm phổi, viêm màng phổi, THT, đóng dấu	RTD-91
56	Oxolin RT	Oxolinic	Gói	5, 10 , 20, 50, 100g	Phòng trị bệnh sưng phù đầu, sổ mũi truyền nhiễm, tụ huyết trùng, thương hàn, CRD	RTD-94
57	RTD-Cocired	Sulfadimirazin Diavedine	Gói	5, 10 , 20, 50, 100g	Trị các loại cầu trùng, ruột non, ruột già trên gia súc, gia cầm	RTD-95
58	Terra Egg Formular RT	Oxytetracycline, Vit A; D_3; E; K_3; B_2; B_5; PP	Gói	5, 10 , 20, 50, 100g, 500g, 1kg	Phòng và trị bệnh đường tiêu hóa gia súc, gia cầm và tăng tỷ lệ đẻ, ấp nở	RTD-96

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
59	RTD-Hohenstop	Tiamulin, Doxycillin	Gói	5, 10 , 20, 50, 100g	Trị các bệnh đường hô hấp	RTD-97
60	Ampi-Coli Gold	Ampicillin, Colistin	Gói	5, 10, 20, 50, 100g	Trị các bệnh truyền nhiễm gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin và Colistin	RTD-98
61	Dog-Cats Worm	Niclosamide Levamisol	Lọ, gói	5, 10 , 20, 50, 100 viên	Trị bệnh ký sinh trùng trên chó mèo gây ra bởi giun đũa, giun móc, sán dây,…	RTD-99
62	RTD-Glucovit C	Glucose Vitamin C	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100ml, 250, 500ml, 1lít	Tăng cường sức đề kháng, chống stress cho gia súc, gia cầm	RTD-102
63	RTD-Viêm phổi phế E300	Spiramycin	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm: ho hen, khò khè, sốt cao, chảy nước mắt, nước mũi, vảy mỏ	RTD-104
64	RTD-Prazi	Praziquantel Albendazole	Lọ	5, 10 , 20, 50, 100 viên	Tẩy sán dây, giun tròn cho chó mèo và các gia súc khác	RTD-110
65	RTD-Levamisol	Levamisol	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100ml	Phòng, trị nội ký sinh trùng đường tiêu hóa cho gia súc, gia cầm	RTD-111
66	Tylanvet	Tylosin tatrat	Gói	5, 10, 20, 50, 100, 500g; 1kg	Trị các bệnh đường hô hấp, đường tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	RTD-113
67	Myco-RTD	Tiamulin Doxylicilin	Lọ, chai	5, 10, 20, 50, 100ml	Trị bệnh đường hô hấp ở gia súc, gia cầm, ho hen, khò khè, chảy nước mắt, nước mũi	RTD-114

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
68	RTD-Decaris	Levamisol Hydrrochlorid	Gói	4, 5, 10 , 20, 50, 100g	Tẩy các loại giun tròn đường tiêu hóa và đường phổi ở trâu, bò, lợn, gà, chó, mèo	RTD-115
69	RTD-Tẩy sán lá gan	Albendazole	Lọ, gói	5, 10, 20, 50, 100 viên	Tẩy sán lá trưởng thành (Fasciola gigantica) cho trâu bò, dê, cừu	RTD-116
70	RTD-Oxolin 50	Oxonilic acid	Lọ, chai	5, 7, 10, 20, 50, 100ml	Phòng, trị bệnh sưng phù đầu, sổ mũi truyền nhiễm, THT, thương hàn, tiêu chảy, CRD	RTD-117
71	RTD-Penicillin G potassium	Penicillin G potasium	Lọ	1.000.000UI	Phòng và trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Streptomycin	RTD-118
72	Streptomycin sulfate	Streptomycin sulfate	Lọ	1g	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa ở gia súc, gia cầm	RTD-119
73	RTD-Nora 98	Norfloxacin	Lọ, chai	5, 7, 10, 20, 50, 100ml	Phòng và điều trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin	RTD-120
74	RTD-Difloxin 5 (Trị nhiễm trùng hô hấp)	Difloxacin, Methyl glycol, Phenyl carbinol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Điều trị bệnh viêm phổi, viêm phế quản, tụ huyết trùng, viêm vú, viêm tử cung, CRD, C.CRD, phù đầu	RTD-122
75	RTD-Calci-B_{12}	Calci gluconate, Vitamin B_{12}	Lọ	100; 20; 50; 100ml	Điều trị thiếu máu, calci, bại liệt trước và sau khi đẻ	RTD-126

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
76	RTD-Analgin+C.P	Analgin Paracetamon, Vitamin C	Gói	10; 20; 50; 100; 250; 500; 1000g	Giảm đau, giảm sưng phù vết thương, giảm sốt cao, hạ nhiệt	RTD-127
77	RTD-Analgin+C	Analgin, Vitamin C	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Giảm đau, giảm sưng phù vết thương, giảm sốt cao, hạ nhiệt	RTD-128
78	Amoxyl L.A.	Amoxycilline	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn huyết, đường ruột, đường hô hấp, tiết niệu, sinh dục	RTD-132
79	RTD-Oxylin 10	Oxytetracycline	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị hen suyễn, CRD, viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm vú, viêm ruột, ỉa chảy	RTD-133
80	RTD-T. Oxylin LA	Oxytetracycline	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị hen suyễn, CRD, viêm phổi, tụ huyết trùng, viêm vú, viêm ruột, ỉa chảy	RTD-134
81	Antisalmo	Flumequin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Điều trị các bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequin	RTD-135
82	RTD-No.1	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacin.	RTD-136
83	RTD-Respi	Tylosin tartrate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Tylosin	RTD-137
84	Cephamax	Cephalexin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, đường niệu dục, viêm khớp, nhiễm trùng da, vết thương	RTD-138

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
85	Antidia	Oxytetracycline, Colistin	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, phân trắng, phân xanh ở bê, cừu non, lợn và gia cầm	RTD-11
86	Enro T	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, lợn	RTD-75
87	Đặc trị tiêu chảy	Oxytetracycline, Neomycin	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên bê, dê, cừu, ngựa, lợn, gia cầm	RTD-09
88	Coliquin Oral	Flumequin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500ml; 1l	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, gia cầm	RTD-80
89	Chlosultra	Sulfadimethoxine, Trimethoprime	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, niệu dục, nhiễm khuẩn trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	RTD-71
90	E.Biseptol	Sulphadimethoxin, Trimethoprim	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, phân trắng, phân xanh, thương hàn, THT và cầu trùng trên bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	RTD-32
91	S.T.P	Oxytetracycline, Tylosin	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị viêm phổi , sổ mũi truyền nhiễm (Coryza), viêm khí quản, viêm teo mũi, viêm khớp, loét da do nhiễm trùng, viêm vú	RTD-33
92	T.T.S	Spiramycin, Trimethoprim	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Bê, dê, cừu non: viêm phổi, Mycoplasma; lợn: viêm phổi, viêm vú, viêm tử cung, tụ huyết trùng, gia	RTD-46

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
					cầm: Mycoplasma, sổ mũi truyền nhiễm, E.coli, Salmonella, THT	
93	Ampisep plus	Ampicillin, Sulphadimethoxin	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy do vi khuẩn mẫn cảm với Ampicillin, Sulphadimethoxin gây ra trên bê, dê cừu non, lợn con	RTD-41
94	Cicolis	Sulphadiazin, Trimethoprime	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, niệu dục, viêm vú, viêm mắt, tai, miệng trên bò, cừu, ngựa, lợn, chó, mèo	RTD-92
95	Lincospec-Inj	Lincomycin, Spectinomycin	Lọ	10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycin, Spectinomycin trên gia súc, gia cầm	RTD-140
96	Doxy-Tylo	Doxycycline, Tylosin	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 5kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin và Tylosin trên bê, dê, cừu non, heo, gia cầm	RTD-141
97	Costrimix	Sulphachloropyri-dazine, Trimethoprim	Túi	10; 20; 50; 100g 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị các bệnh đường hô hấp và đường ruột do các vi khuẩn nhạy cảm với Sulfanamide và Trimetho-prim trên bê, lợn, gà	RTD-142

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
98	Speclin-Mix	Lincomycin, Spectinomycin	Túi	10; 20; 50; 100g 1; 5; 10; 20; 25kg	Trị bệnh lỵ, viêm ruột, suyễn, viêm vú, hội chứng MMA trên lợn	RTD-143
99	Speclin-SP	Lincomycin, Spectinomycin	Túi	10; 20; 50; 100g 1; 10; 20kg	Trị bệnh hô hấp mãn tính do nhiễm Mycoplasma (CRD) và E.coli trên gà choai	RTD-144
100	RTD-Norcoli	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Trimethoprim gây ra trên bê, dê non, cừu non, lợn, gia cầm, thỏ	RTD-16
101	Ery-Sulfa	Erythromycin, Tetracyclin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp ở gia súc và gia cầm, đặc biệt là bệnh hô hấp mãn tính CRD, CCRD ở gia cầm	RTD-18
102	RTD-Coccistop	Sulphadimethoxi-ne, Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 5; 10kg	Trị cầu trùng, viêm ruột, nhiễm khuẩn đường hô hấp trên bê, dê, cừu, lợn , gà, thỏ	RTD-26
103	No.TST	Tylosin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	RTD-73
104	RTD-Norcoli	Colistin sulfate	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin trên trâu, bò, ngựa, dê, cừu, lợn, thỏ và gia cầm	RTD-79

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
105	RTD-Dipen-Strep LA	Benzylpenicillin, Dihydrostrepto-mycin	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, viêm vú trên trâu, bò, dê, cừu, lợn	RTD-101
106	RTD-Rotosal	1-(n-butylamino)-1-methylethyl-phosphonous acid, Vit B_{12}.	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị rối loạn chuyển hóa do rối loạn trao đổi chất, trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	RTD-145
107	RTD-Ceptisus	Ceftiofur	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị bệnh hô hấp, tiêu chảy trên trâu, bò, heo như THT, viêm phế quản, viêm phổi, PTH, E.coli, viêm tử cung, viêm vú…	RTD-146
108	RTD-Flocol	Florfenicol	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị hô hấp, tiêu hóa trên bò, heo	RTD-147
109	RTD-Canxi+Magie	Calcium borogluconate, Magnesium chloride, Mg hypophosphite	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Dùng trong trường hợp hạ caxi huyết, liệt nhẹ trước khi sinh trên trâu, bò, lợn	RTD-148
110	Toltracid	Toltrazuril	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Trị cầu trùng gà do Eimeria acervulina, E. tenlla, E.necatrix, E.brunetti, E.mitis	RTD-149
111	Torilcox	Toltrazuril	Lọ	5; 10; 20; 50; 100ml	Phòng, trị bệnh cầu trùng gây tiêu chảy trên heo con, bê, nghé	RTD-150

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
112	Enflox-200WS	Enrofloxacin	Gói	20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, tiêu hóa, tiết niệu trên bê, dê, cừu non, lợn, gia cầm do vi khuẩn mẫn cảm với Enrofloxacin	RTD-151
113	Florfen	Florfenicol	Gói	20; 50; 100; 250; 500g; 1; 5; 10kg	Trị bệnh hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, dê non, cừu non, lợn, gia cầm do vi khuẩn Gram(+) và Gram(-)	RTD-152
114	T.Genta oral	Gentamicin	Lọ	5; 10; 20; 30; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Trị bệnh do Colibacillosis ở lợn con từ 1-3 ngày tuổi	RTD-153
115	Linco oral	Lincomycin	Túi; xô; thùng	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh lỵ ở lợn, viêm ruột hoại tử ở gà do Clostridium perfringens nhạy cảm với Lincomycin	RTD-154
116	Doxin-300 W.S	Tylosin tatrate Doxycycline HCL	Túi	20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 20kg	Trị bệnh đường tiêu hóa và hô hấp trên bê, lợn, gia cầm	RTD-156
117	RTD-Flor A	Florfenicol	Lọ	5; 10; 20; 30; 50; 100; 250; 500ml; ; 2; 5; 10; 20 lít	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa và các bệnh nhiễm khuẩn do vi khuẩn gr(-) và gr (+) cho gia súc và gia cầm	RTD-157
118	RTD-T.Gentamax	Gentamicin base	Lọ	5; 10; 20; 30; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5 lít	Trị viêm màng phổi, viêm ruột, viêm vú, viêm khớp trên ngựa, bò, cừu, lợn	RTD-158

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
119	RTD-Amcinvet	Ampicillin, Erythromycin	Gói	20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị bệnh đường tiêu hóa do VK nhạy cảm với Ampicillin, Erythro-mycin trên gia cầm	RTD-159
120	Anti-CCRD	Doxycycline, Tylosin	Túi, gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycycline, Tylosin gây ra trên trâu bò, cừu, dê, lợn và gia cầm	RTD-160
121	Gentadox 200WS	Gentamycin, Doxycycline	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 20kg	Trị bệnh đường tiêu hóa, đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Gentamycin, Doxycycline trên gia súc, gia cầm	RTD-161
122	RTD-Neocovet	Colistin, Neomycin	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 500g;1; 2; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Neomycin trên bê, lợn và gia cầm	RTD-162
123	Enrotril 10%	Enrofloxacin	Lọ	5; 10; 20; 30; 50; 100; 250ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột, hô hấp, tiết niệu trên bê, dê, gia cầm, cừu và lợn	RTD-163
124	Anticoccid Sol	Toltrazuril	Lọ	5; 10; 20; 30; 50; 100; 250ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Trị cầu trùng trên gia cầm	RTD-164
125	RTD-Fugacar Powder	Fenbendazole	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 20kg	Trị nội kí sinh trùng trên lợn, gia cầm	RTD-165

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
126	Maxflo 10%	Florfenicol	Lọ	5; 10; 20;30; 50; 100; 250ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, hô hấp trên gia cầm, lợn	RTD-166
127	RTD-Flumequin 10%	Flumequin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn mẫn cảm với Flumequin gây ra trên gia cầm, bê và lợn	RTD-167
128	Oxy 20% powder	Oxytetracyclin	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên gia cầm, bò, lợn	RTD-168
129	RTD-Doxycoli.HG	Doxycycline hyclate, Colistin sulfate	Gói	20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên gia cầm và lợn	RTD-169
130	RTD-Enro20.HG	Enrofloxacin	Gói	20; 50; 100; 500g; 1; 2; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên gia cầm, bê, dê, cừu non, lợn	RTD-170
131	RTD-Ampicoli.HG	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên gia cầm	RTD-171
132	Enrotril 50	Enrofloxacine	Chai	55; 10; 20; 50; 100; 200; 500ml; 1; 2; 3; 5 lít	Trị bệnh đường hô hấp và tiêu hóa, viêm teo mũi, viêm phổi do vi khuẩn nhạy cảm với Enrofloxacine gây ra ở lợn	RTD-172

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
133	RTD-T.FLO	Florfenicol	Chai	5; 10; 20; 30; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Trị bệnh đường hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Florfenicol gây ra ở bò, lợn	RTD-173
134	RTD-Doxy 50 ws	Doxycycline	Túi, xô, thùng	5; 10; 20; 30; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5; 10; 20 lít	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với doxycyckin gây ra ở bê, lợn và gia cầm	RTD-174
135	RTD-Oxyte 500 ws	Oxytetracycline	Túi, xô, thùng	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng máu, nhiễm trùng hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn mẫn cảm với Oxytetracycline ở bê, lợn, gia cầm, thỏ	RTD-175
136	RTD-Anticoccid	Trimethoprim, Sulfaquinoxaline sodium	Túi, xô, thùng	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị cầu trùng manh tràng và đường ruột, tụ huyết trùng và thương hàn gà	RTD-176
137	RTD-Doxy 200WS	Doxycycline hyclate	Túi	10; 20; 50; 100; 200g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa do vi khuẩn mẫn cảm với Doxycycline gây ra ở bê, dê, cừu, gia cầm và lợn	RTD-177
138	RTD-Amoxy 200WS	Amoxicillin trihydrate	Túi	10; 20; 50; 100; 200g; 1; 2; 5; 10kg	Trị các bệnh đường hô hấp và đường tiết niệu do vi khuẩn mẫn cảm với Amoxicillin gây ra ở bê, dê, cừu, gia cầm và lợn	RTD-178

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
139	T.Doxy-Tylo	Doxycyclin HCL, Tylosin tartracte	Túi	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột và hô hấp cho bê, gia cầm, lợn	RTD-179
140	T. Flo-extra	Florfenicol	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn do vi khuẩn Pasteurella multocida mẫn cảm với Florfenicol	RTD-180
141	T.Colimox	Amoxycillin trihydrate, Colistin sulfate	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10; 20kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, đường hô hấp, đường niệu - sinh dục nhiễm khuẩn kế phát trên bê, lợn, gia cầm	RTD-181
142	RTD-T.Cocired	Sulfaquinoxaline sodium, Diaveridine	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị cầu trùng đường ruột do Eimeria Spp gây ra	RTD-182
143	RTD-T.Coxid	Sulfachlozine	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị cầu trùng, thương hàn, tụ huyết trùng trên gia cầm	RTD-183
144	F 2000	Flumequin	Túi, xô, thùng	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, thận, phổi do vi khuẩn mẫn cảm với Flumequin như staphilococcus, E.coli, Salmonella sp, Klebsiella sp, Pasteurella	RTD-184
145	Bromhexin	Bromhexin Chlorhydrate	Túi, xô, thùng	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Giảm ho, long đờm ở bê, dê non, cừu non, lợn, gia cầm, chó, mèo	RTD-185

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
146	Amoxi 500 ws	Amoxicilline	Túi, xô, thùng	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị viêm phế quản truyền nhiễm trên lợn do vi khuẩn Actinobacillus pleuropneumonia mẫn cảm với Amoxicillin	RTD-186
147	Colisol 1200 ws	Colistin sulfat	Túi, xô, thùng	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày - ruột do vi khuẩn mẫn cảm với colistin trên bê, lợn, gia cầm	RTD-187
148	Amoxtin	Amoxicilline, Colistin sulfat	Túi, xô, thùng	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, đường hô hấp, đường tiết niệu trên bê, dê, cừu, lợn, gia cầm	RTD-188
149	RTD-Coli-Tri 200 WS	Trimethoprim, Colistin sulfate	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột trên bê, cừu, dê, lợn gia cầm	RTD-189
150	T Enro 2000	Enrofloxacine	Ống, lọ	5; 10; 20; 30; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, niệu đạo trên bê, nghé, dê, cừu, lợn, gia cầm	RTD-190
151	T Enro 1000	Enrofloxacine	Ống, lọ	5; 10; 20; 30; 50; 100ml	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, niệu đạo trên bê, nghé, dê, cừu, lợn	RTD-191
152	Enro HT	Enrofloxacine	Ống, lọ, can	5; 10; 20; 30; 50; 100; 250; 500ml; 1; 2; 5lít	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, niệu đạo, nhiễm trùng máu, nhiễm trùng kế phát trên bê, cừu non, gia cầm	RTD-192

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
153	RTD-Flortec	Florfenicol	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1; 2; 5; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn	RTD-193
154	Tylan T	Tylosin tartrat	Ống, lọ	5; 10; 20; 30; 50; 100ml	Trị viêm phổi, viêm ruột, thương hàn, CRD, PTH, THT	RTD-194

25. Công ty cổ phần Sóng Hồng

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	B Complex	Vitamin B_1, B_6, B_2, PP	Gói	50; 100; 200g	Bổ dưỡng Vitamin	SH-2
2	Vitamin B_1	Vitamin B_1	Viên	0.01 g	Thuốc bổ tăng lực	SH-11
3	Tẩy giun sán lợn	Levamysol (100 mg)	Gói	2,5; 3,5; 5; 10g	Trị bệnh ký sinh trùng đường ruột	SH-22
4	Vitamin B_1	Vitamin B_1 (2,5 mg)	Viên	2,5 mg	Thuốc bổ tăng lực	SH-23
5	Tetracyclin	Tetracyclin	Gói	20; 100g	Trị bệnh đường ruột	SH-28
6	Levamysol	Levamysol (5 mg)	Viên	5 mg	Trị ký sinh trùng đường ruột	SH-47
7	ADE-B Complex	Vitamin A, D_3, B_1, E, B_6,	Gói	100; 500; 1000g	Thuốc bổ dưỡng tăng lực	SH-48

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
8	Milonal (Sóng hồng đại)	Vitamin A, D_3, B_1, E, B_6, PP, khoáng	Gói	10; 20; 50;100 200; 250; 400; 500g; 1kg	Thuốc bổ dưỡng tăng lực	SH-49
9	Apovit (Sóng hồng phì)	Vitamin A, D_3, B_1, B_6, PP, khoáng	Gói	10; 20; 50; 100 200; 250; 400; 500g; 1kg	Thuốc bổ dưỡng tăng lực	SH-50
10	Milonox (Sóng hồng vàng)	Vitamin A, D_3, B_1, B_6, PP, khoáng	Gói	200; 250; 400; 500 g	Thuốc bổ dưỡng tăng lực	SH-51
11	Tylosin 98%	Tylosin tartrat	Gói	5; 10; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp	SH-70
12	SH-Ampi-Coli-Dexa	Ampicillin, Colistin, Dexa	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Kháng sinh, bổ dưỡng và tăng lực	SH-72
13	Spec-L	Lincomycin, Spectinomycin	Túi	10, 20, 50, 100g 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng gây ra do vi khuẩn, Mycoplasma nhạy cảm với Lincomycin, Spectinomycin cho bê, lợn và gia cầm	SH-73
14	Paragum	Paracetamol, Vitamin K, B_1, PP, C	Gói	10; 20; 50; 100g 500g; 1kg	Phòng bệnh Gumboro và các bệnh truyền nhiễm khác trên gia cầm	SH-87
15	Tiêu chảy heo	Colistin, Neomycin	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm Colistin, Neomycin gây ra trên bê, nghé, cừu, dê, lợn thỏ, gia cầm	SH-6

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
16	Facicoli	Spectinomycin, Erythromycin	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Điều trị viêm phổi, viêm ruột trên gia cầm, lợn	SH-7
17	Sohomycin For	Doxycyclin, Tylosin	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, dạ dày - ruột trên bê, cừu, dê, lợn, gia cầm	SH-19
18	Diacocid	Trimethoprim, Sulfachlorpyridazin	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm phổi, đường ruột, hội chứng MMA trên lợn, gia cầm	SH-20
19	T-Colivet	Sulfamethazin, Tylosin	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Phòng và trị viêm phổi, hồng lỵ, viêm ruột trên lợn	SH-35
20	SH-Oxytylovit	Oxytetracyclin, Tiamulin	Túi	10; 20; 50; 100g 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh viêm phổi, viêm ruột.	SH-88
21	Cefadox	Gentamycin, Cephalexine	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị viêm dạ dày - ruột, viêm phổi, E.coli, hồng lỵ, viêm đường hô hấp trên bê, nghé, lợn, dê, cừu, gia cầm	SH-21
22	T-H-S	Doxycyclin, Colistin	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, dạ dày - ruột trên gia súc, gia cầm	SH-32
23	E-P-S Vịt, Ngan	Ampicillin, Erythromycin	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên trâu, bò, lợn, cừu, dê, gia cầm	SH-34

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
24	Sulfa-Tetra	Oxytetracyclin, Sulfadimidin	Túi	10; 20; 50; 100g 500g; 1kg	Trị THT, viêm phổi, viêm dạ dày - ruột trên bê, nghé, lợn, gia cầm	SH-89
25	Tetracyclin	Tetracyclin (50 mg)	Viên	3; 5; 15; 50 mg	Trị bệnh đường ruột	SH-26
26	Đặc trị ỉa chảy	Trimethoprim, Colistin	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh đường tiêu hóa trên bê, nghé, lợn, thỏ, cừu, dê, lợn, gia cầm	SH-31
27	SH-D.O.C	Oxytetracyclin, Thiamphenicol	Túi	10; 20; 50; 100g 500g; 1kg	Trị bệnh viêm đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, lợn, gia cầm	SH-71
28	Gentadox	Gentamycin, Doxycyclin	Túi	10; 20; 50; 100g 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp trên gia cầm	SH-91
29	Oxylidon	Oxytetracyclin	Túi	5; 10; 20; 50; 100g	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin gây ra	SH-107
30	Dispepsia	Oxytetracyclin, Tiamulin	Túi	5; 10; 20; 50; 100g	Trị viêm phổi, lỵ, viêm ruột trên lợn	SH-108
31	Tẩy giun chó mèo	Mebendazol	Gói	2; 5g	Tẩy các loại giun sán chó, mèo	BH-3
32	Streptomycin Sulfat	Streptomycin sulfat	Lọ	1 g	Trị bệnh đường hô hấp	SH-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
33	PenicillinG	Penicillin G potassium	Lọ	1.000.000 UI	Trị bệnh nhiễm trùng, viêm loét	SH-13
34	Tylosin Tartrat	Tylosin tartrat	Lọ, ống	500 mg	Trị bệnh hô hấp	SH-37

26. Công ty cổ phần dược phẩm công nghệ cao

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	Neoxy	Neomycin, Oxytetracyclin	Gói	10, 20, 100, 500g, 1kg	Trị CRD, CCRD, Coryza, THT cho gia cầm viêm ruột, tiêu chảy do E.coli, Salmonella cho gia súc	Hitech-3
2	Tetramycin 500	Tetramycin	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị bệnh đường hô hấp	Hitech-11
3	Ampicyclin	Ampicyclin	Lọ	500 mg	Trị bệnh hô hấp	Hitech-12
4	Entyl	Doxycyclin, Tylosin	Túi	10, 20, 50, 100g, 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp và dạ dày ruột do VK nhạy cảm với Doxycyclin, Tylosin	Hitech-14
5	Tia-Coli for	Tiamulin, Colistin	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Tiamulin; Colistin trên lợn, gia cầm	Hitech-15

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích, khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
6	Doxyprim	Trimethoprim, Doxycyclin	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp, đường ruột trên bê, nghé, gia cầm	Hitech-16
7	Cefacoli-Plus	Cephalexine, Colistin	Túi	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, dạ dày - ruột trên gia súc, gia cầm	Hitech-17
8	Flu-100 WSP	Flumequine	Túi	10; 20; 50; 100g 500g; 1kg	Trị các nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine gây ra trên gia cầm	Hitech-18
9	AM-Colis	Ampicillin, Colistin	Túi	10; 20; 50; 100g 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin và Colistin gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm	Hitech-19
10	Amox-Col	Amoxycillin, Colistin	Túi	10; 20; 50; 100g 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycillin và Colistin trên gia cầm	Hitech-20
11	Neo-Sol	Oxytetracyclin	Túi	10; 20; 50; 100g 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Oxytetracyclin gây ra trên trâu, bò, lợn	Hitech-21
12	Amoxy-150 WSP	Amoxycillin	Túi	10; 20; 50; 100g 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, đường ruột, viêm thận, tiết niệu, sinh dục	Hitech-23

27. Công ty CP công nghệ sinh học Thú y

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
1	BTV-Ampi-Anticoli	Ampicilin trihydrate, Colistin sulfate	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị các bệnh đường tiêu hóa, hô hấp, hội chứng MMA trên trâu, bò, lợn, gia cầm	BTV-01
2	BTV-đặc trị tiêu chảy	Neomycin, Colistin, Vitamin B_1	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Trị bệnh phù đầu lợn, tiêu chảy phân trắng, THT, phó thương hàn, cầu khuẩn	BTV-6
3	BTV-Tribactrim	Sulfamethoxazol, Trimethoprim	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200; 500g; 1; 10kg.	Trị nhiễm trùng đường tiêu hóa, hô hấp, tiết niệu trên bê, lợn, chó, gia cầm	BTV-18
4	BTV-Oxolonic	Oxolinic acid	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị bệnh phổi, đường tiêu hóa trên gà, lợn con	BTV-30
5	BTV-Fugacomix	Sulfaguanidin, Colistin sulfate	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm khuẩn dạ dày ruột trên bê, cừu non, dê con, lợn con	BTV-31
6	BTV-Lincopec	Lincomycin, Spectinomycin	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, viêm ruột xuất huyết, viêm khớp trên lợn, gia cầm	BTV-32
7	BTV-Eryta (Úm gà con, vịt con)	Tetracyclin, Erythromycin, Vitamin B_1, B_2, B_6, PP, Calcium panthotenat	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị viêm xoang, viêm phế quản, bạch lỵ, thương hàn, THT, giảm tỷ lệ chết do nhiễm trùng trên gia cầm, thỏ	BTV-33

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
8	BTV-Ampery	Erythromycin, Ampicillin	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm trùng dạ dày ruột, đường hô hấp trên bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	BTV-34
9	BTV-Spidin	Sulfadimidin, Spiramycin	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimidin và Spiramycin trên lợn, gia cầm	BTV-35
10	BTV-Erycolis	Erythromycin, Colistin sulfate	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp, viêm khớp trên gia cầm, thỏ	BTV-36
11	BTV-Đặc trị hô hấp	Sulfadimerazin, Tylosin	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp trên lợn, gia cầm	BTV-37
12	BTV-Neospira	Spiramycin, Neomycin	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa trên lợn, gia cầm, thỏ	BTV-38
13	BTV-Spicolis	Spiramycin, Colistin sulfate	Túi	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, lợn con, dê con, cừu con, ngựa con, gia cầm, thỏ	BTV-39
14	BTV-ÕX-T 1000	Oxytetracyclin HCL, Colistin sulfate	Túi	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa trên bê, nghé, lợn, cừu	BTV-40

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ khối lượng	Công dụng	Số đăng ký
15	BTV-Sulfalin	Tetracyclin, Sulfadimethoxin	Túi	5; 10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1; 10kg	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, lợn, gia cầm, thỏ	BTV-41
16	BTV-Toi gia cầm	Ampicilin Colistin	Gói	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1kg; 10kg	Trị bệnh dạ dày, ruột trên bê, dê non, cừu non do vi khuẩn gây ra	BTV-54
17	BTV-Tiêu chảy đặc trị	Colistin Neomycin	Gói	10; 20; 30; 50; 100; 200; 300; 500g; 1kg; 10kg	Trị nhiễm trùng đường ruột trên gia súc non, thỏ, gia cầm	BTV-55
18	BTV-Tẩy giun	Levamisol	Túi	2; 5; 10g	Tẩy giun xoắn, giun đũa, giun tóc, giun móc, giun kim cho trâu bò, lợn, dê cừu, gia cầm	BTV-61
19	BTV-Dobiotic	Spiramycin Streptomycin	Lọ	1,5triệu UI spiramycin và 1g streptomycin	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với spiramycin và streptomycin gây ra trên trâu, bò, lợn, gia cầm	BTV-60

28. Công ty TNHH thuốc thú y Bình Minh

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Levamisol	Levamisol	Gói	4g	Tẩy các loại giun sán	BM-01
2	B Complex	Vit B_1, B_2, B_6, B_{12}, PP	Gói	100; 500; 1000g	Phòng, trị bệnh do thiếu vitamin nhóm B	BM-03

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
3	BM-Coli-Plum	Colistin sulphat, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 500g	Trị các viêm nhiễm gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Trimethoprim	BM-05
4	BM-CRD	Spiramycin adipat, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các viêm nhiễm do vi khuẩn nhạy cảm với Spiramycin và Trimethoprim	BM-06
5	BM-Anticoc	Sulphaquinoxalin Diaveridin	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị cầu trùng và các bệnh viêm nhiễm gây rối loạn tiêu hóa.	BM-07
6	BM-Coccistop	Sulphachlozin sodium	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị cầu trùng, thương hàn, tụ huyết trùng, nhiễm trùng thứ phát do E.coli	BM-08
7	BM-Tylosin tartrate	Tylosin tartrate	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị Mycoplasma ở gà, trị bệnh xuất huyết ruột ở lợn, viêm phổi ở bê	BM-10
8	BM-Neocolis	Colistin sulfat salt, Neomycine sulfat salt	Gói	10, 20, 50, 100, 250g	Trị nhiễm khuẩn Dạ dày - ruột gây ra do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin, Neomycine trên bê, nghé, cừu, dê, heo, gia cầm	BM-13
9	BM-Vitamin B_1	Vitamin B_1	Gói	100; 200; 500g	Trị viêm dây thần kinh, rối loạn tiêu hóa, nhiễm độc, kích thích tăng trưởng	BM-20
10	BM-Tetracyclin	Tetracyclin	Gói	100; 200; 500g	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn Gr(+), Gr(-), Mycoplasma, Rickettsia trên lợn, chó, mèo, gà, vịt, ngan, ngỗng, cút	BM-23

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
11	BM-Trisulfa	Sulfadimethoxine sodium, Trimethoprim	Gói	10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Sulfadimethoxine và Trimethoprim trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, thỏ, gia cầm	BM-2
12	BM-Ampicol	Ampicillin trihydrate, Colistin sulfate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin và Colistin gây ra trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	BM-28
13	BM-Thiamphenicol 10%	Thiamphenicol	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Thiamphenicol gây ra	BM-29
14	BM-Colimix	Colistin sulfate, Trimethoprim	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin và Trimethoprim gây ra trên bê, cừu non, dê non, heo, gia cầm, thỏ	BM-31
15	BM-Vitamin B_1	Vitamin B_1	Viên	0,1g	Phòng và trị bệnh thiếu Vitamin B_1	BM-33
16	BM-Tiamulin 10%	Tiamulin HF	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột trên lợn, gia cầm	BM-36
17	BM-Doxytylo	Doxycyclin, Tylosin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, hô hấp do vi khuẩn nhạy cảm với Doxycyclin và Tylosin gây ra trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	BM-47
18	BM-Lincomix	Lincomycin, Sulfamethazin	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị viêm phổi, hồng lỵ, viêm mũi trên lợn	BM-49

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
19	BM-Colisulpha	Colistin sulfate, Sulphaguanidin	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh đường ruột trên lợn	BM-54
20	BM-Neosol	Oxytetracyclin HCL, Neomycin sulfate	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, hô hấp trên trâu, bò, lợn, gia cầm	BM-60
21	BM-Gentatylosin	Gentamycin sulfate, Tylosin tartrate	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường ruột, hô hấp trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	BM-63
22	BM-Úm gà	Colistin sulfate, Oxytetracyclin, Vit A, D_3, K_3, E, B_2, B_{12}, Nicotinic acid, Ca.	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Phòng, trị nhiễm khuẩn đường ruột, CRD, Stress trên gà	BM-64
23	BM-Flophenicol	Florfenicol	Túi, xô	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1; 5; 10kg.	Trị CRD, bệnh do trực khuẩn, do Salmonella, Staphylococcus, sổ mũi truyền nhiễm gia cầm	BM-66
24	BM-Flumequine	Flumequine	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Flumequine trên bê, gia cầm	BM-69
25	BM-Analgin C	Analgin, Vit C, KCL, NaCL	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Hạ sốt, chống mất nước, chất điện giải	BM-70
26	BM-Amcoxin	Ampicillin, Colistin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, viêm ruột, viêm phổi, viêm phế quản trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, gia cầm	BM-75

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
27	BM-Amoral	Amoxicillin	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị viêm phổi, viêm khớp, nhiễm trùng tiết niệu, nhiễm trùng huyết, thương hàn trên trâu, bò, heo, gia cầm	BM-76
28	BM-Gentadox	Gentamycin Doxycyclin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng đường hô hấp, tiêu hóa trên bê, nghé, lợn, gia cầm	BM-79
29	BM-Floral	Florfenicol	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp trên lợn	BM-80
30	BM-Antialeccid	Sulfadimerazine, Diaveridine	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị cầu trùng trên lợn, gia cầm	BM-81
31	BM-Antigus	Nystatin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh do nấm trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, gia cầm	BM-82
32	BM-Ampicoli	Ampicillin, Colistin	Túi, lon	5; 10; 20; 50;100; 250; 500g; 1kg	Trị tiêu chảy, viêm ruột, viêm phổi, phế quản trên bê, nghé, dê non, cừu non, lợn, gia cầm	BM-83
33	BM-Cloral	Chlortetracycline	Túi, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Phòng, trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa, trên lợn, dê, cừu, gà, vịt, thỏ	BM-84
34	BM-Penicillin	Penicillin	Lọ	0,65g	Trị nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Penicillin	BM-11
35	BM-Streptomycin	Streptomycin sulphate	Lọ	1g	Trị nhiễm khuẩn gây ra bởi vi khuẩn nhạy cảm với Streptomycin	BM-12

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
36	BM-Ampicillin	Ampicillin sodium	Lọ	1g	Trị nhiễm khuẩn do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicillin trên trâu, bò, lợn, cừu, gia cầm	BM-18
37	BM-Kanamycin	Kanamycin sulphate	Lọ	1g	Trị nhiệt thán, viêm phổi, E.coli, viêm phúc mạc trên trâu, bò, lợn, chó, mèo	BM-19
38	BM-Ampikana	Ampicillin, Kanamycin	Lọ	1g	Trị viêm phổi, THT, viêm ruột, viêm khớp, niệu sinh dục trên trâu, bò, ngựa, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	BM-62

HƯNG YÊN

29. Công ty TNHH Nam Dũng

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
1	Steptomycine	Steptomycine sulphate	Gói	1g	Trị nhiễm khuẩn chung	ND-02
2	Aviatrin	Norfloxacin	Gói	5; 10; 50; 100; 500g	Trị phân xanh, trắng gia cầm	ND-05
3	Tetravit	Tetracycline HCL, Berberine, Vitamin B_1, B_2, B_6	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g	Trị các bệnh toi, thương hàn, tiêu chảy, kiết lỵ, tụ huyết trùng	ND-13
4	TD.Tera-500F	Tatracycline,Vit B	Gói	10; 20; 50; 100g	Trị bại liệt gia súc, gia cầm	ND-14

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
5	Neovit	Neomycine sulfate, Tetraccline HCL	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Trị các bệnh tiêu chảy và hô hấp ở gia cầm	ND-15
6	TD.Anti-CRD	Tiamuline HF, Erythromycine	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị suyễn lợn, hen gà, Nấm đường hô hấp, tiêu hóa	ND-17
7	B.complex NC	Vitamin nhóm B	Gói	50; 100; 200; 500g	Cung cấp Vitamin nhóm B	ND-20
8	Gum gà	Chất chống gum, Vit	Gói	10; 20; 50; 500g; 1kg	Phòng bệnh Gumboro	ND-23
9	Tylosin	Tylosin	Gói, túi	10; 20; 50; 100g; 1kg	Phòng, trị bệnh đường hô hấp	ND-33
10	ND.Colimix	Colistin sulfate, Berberine	Gói	10; 20; 50; 100; 500g	Trị các bệnh tiêu chảy ở gia súc, gia cầm	ND-35
11	Sulprim	Sulfadimidine	Gói	5; 10; 20; 50; 100g	Liệu pháp Sunfamit	ND-38
12	Pen-sul	Sulfaguanidin, Penicillin	Lọ	10; 20; 30g	Trị nhiễm khuẩn ngoài da	ND-46
13	B-comlex	Vitamin nhóm B	Gói	50; 100g	Cung cấp vitamin nhóm B	ND-49
14	TD. Leva	Levamysol	Gói	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị giun	ND-65
15	Polyvit	Vitamin B_1, B_2, B_6, B_{12}, C, A, D_3, E, K_3, Lysine; Methionine	Gói	10; 20; 50; 100g	Tăng sức đề kháng	ND-76
16	TD.Spiralexine	Spiramycine, Cefalexine	Gói	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh hô hấp do nhiễm khuẩn ở gà, vịt	ND-84
17	Ketomycine	Ketoconazole; Neomycine; Dexa	Lọ Tuýp	10; 15; 20; 25; 50; 100g	Trị nấm ngoài da	ND-85
18	Flagystine	Chlortetracycline, Nystatine, Dexa SP	Gói	2,8g	Trị các bệnh đường sinh dục lợn nái và gia súc	ND-86

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
19	Multivita	Vit: A, B_1, B_2, B_5, B_6, B_{12}, D_3, E, K, PP, Acid folic	Gói	100; 500; 1000g	Cung cấp các Vitamin	ND-100
20	Anti CD	A. amin; B.complex; Vit A, E, D_3, a. folic; Biotine; Rotundine	Túi	10; 20; 50; 100; 200; 500; 1000g	Chống mổ lông cắn đuôi nhau	ND-102
21	ND.Fulvine	Giseofulvine; Neomycine; Dexa	Lọ; tuýp	20; 25; 50; 100g	Kem thuốc dùng trị ngoài da	ND-103
22	Zinc-Plus	Zinc; Biotine; Vit: A, E, B_2, PP; Acid folic;	Túi	100; 500; 1000g	Phòng các bệnh ở lông, móng, sừng	ND-109
23	Entercine	Berberine, Tetracycline HCL	Gói	10; 20; 50; 100; 500g	Trị bệnh tiêu chảy, lỵ trực tràng	ND-110
24	Aminogingsen	A. amin; Ginseng; Vit: C, B_1, B_2, B_5, B_6, PP, khoáng	Túi	100; 500g	Phục hồi sức khỏe	ND-113
25	ND.Strepdine	Streptomycine slphate Sulphaguanidine, Atropin	Túi	5; 10; 20; 50 100; 250g; 1kg	Trị tiêu chảy gia súc, gia cầm	ND-135
26	TD. Erycine	Erythromycin, Bromhexin, Vit C Doxycyclin HCL,	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Trị hen gà	ND-146
27	TD.Ampicin	Ampicilline	Túi Lon	10; 20; 50; 100g 50; 100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng trên Bê, lợn, gia cầm do vi khuẩn nhạy cảm với Ampicilline	ND-157

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
28	TD.Colicin	Colistin sulphate	Túi Lon	10; 20; 50; 100g 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh đường tiêu hóa do vi khuẩn nhạy cảm với Colistin	ND-158
29	TD.Neomix	Neomycine sulphate, Colistin sulphate	Túi Lon	10; 20; 50; 100g 50; 100; 500g	Trị các bệnh đường ruột do E.coli, Samonella, Shigella, Klebsiella, Pseudomonas	ND-162
30	TD.Amoxy	Amoxycilline	Túi Lon	10; 20; 50; 100g 50; 100; 500g; 1kg	Trị các bệnh nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Amoxycilline cho bê, nghé, lợn, gia cầm	ND-163
31	TD.Coli-Plus	Apramycin, Colistin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị bệnh đường tiêu hóa và hô hấp như viêm phổi, suyễn, phân trắng, kiết lị	ND-37
32	TD. Dogenta	Gentamycin Doxycyclin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị THT, nhiễm trùng đường ruột, các bệnh do Mycolasma, E.coli, Haemophillus, Salmonella	ND-57
33	Kem Colidia	Neomycine, Colistin	Lọ	10; 20; 30; 50; 100g	Trị phân trắng lợn con	ND-59
34	Kháng sinh vịt	Josamycin Oxytetracyclin	Gói, lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg	Trị ho, khó thở, tiết dịch mũi, suyễn, viêm teo mũi truyền nhiễm, THT cho gia súc, gia cầm	ND-93
35	TD.Colivet	Erythromycin Colistin	Gói Lon	5; 10; 20; 50; 100; 250; 500g; 1kg 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh CRD, Coryza, THT cho gà-vịt, thương hàn, bệnh do E.coli	ND-73

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
36	TD.Coli-Amoxy	Amoxicillin, Colistin sulfate	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị bệnh tiêu hóa, hô hấp trên trâu, bò, ngựa, lợn, gà.	ND-83
37	TD. Colidia	Colistin sulfate, Neomycin sulfate, Vitamin A, B_1, B_6	Tuýp	5; 10; 20; 30; 50g	Trị viêm ruột tiêu chảy, tiêu chảy phân trắng, bạch lỵ, viêm rốn, phó thương hàn trên trâu, bò, heo, gia cầm	ND-104
38	TD.Prim-F	Sulfadiazin, Trimethoprim	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g	Trị bệnh do vi khuẩn nhạy cảm với Trimethoprim và Sulfadiazin gây ra trên bê, nghé, lợn, gà, vịt	ND-172
39	TD.Tyloxylin	Tylosin tartrate, Oxytetracyclin HCL	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g	Trị viêm phổi trên bê, nghé	ND-176
40	TD.Doxy	Doxycyclin	Túi	10; 20; 50; 100; 200g	Trị nhiễm khuẩn đường tiêu hóa, hô hấp trên bê, nghé, lợn, gia cầm	ND-190
41	TD. Linco-Spec	Lincomycine, Spectinomycine	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g	Trị các nhiễm trùng do vi khuẩn nhạy cảm với Lincomycine và Spectinomycine gây ra trên trâu, bò, lợn, dê, cừu, chó, mèo, gia cầm	ND-191
42	TD.Nutrogel	Vitamin A, D, E, B_1, B_2, B_5, B_6, B_{12}, A.folic Nicotinamide, Fe, Mg Iodine, Mn.	Tuýp	20; 50; 100; 120g	Giúp phục hồi sức khỏe sau nhiễm trùng, giải phẫu	ND-199
43	TD. Ivermix	Ivermectin	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị nội ngoại ký sinh trùng trên lợn	ND-200

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Khối lượng/ Thể tích	Công dụng	Số đăng ký
44	TD. Prazisol Pour-on	Praziquantel	Lọ, tuýp	1; 2; 5; 10; 20; 50; 100ml	Trị sán dây trên mèo	ND-203
45	TD. Antimastic	Amoxycilin, Potassium, Prednisolone	Tuýp	3; 5; 6g	Trị viêm vú trên bò sữa	ND-219
46	TD. Spira 200	Spiramycine	Túi, lon	10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Trị suyễn trên lợn; viêm phổi trên gia cầm	ND-226
47	TD.Anticox fort	Sulfadimedine Sodium, Diaveridin	Túi, lon	10, 20, 50, 100, 500 g	Phòng và trị cầu trùng gia cầm và thỏ	ND-229
48	Penicillin G	Penicillin G otassium	Lọ	1.000.000 UI	Trị nhiễm khuẩn chung	ND-01
49	Ampicillin-500	Ampicillin sodium	Lọ	500mg;1g	Chống nhiễm khuẩn	ND-47
50	Kana-Ampi	Kanamycine, Ampicillin sodium	Lọ, ống	1g	Hỗn hợp kháng sinh phổ rộng	ND-63
51	Tylosin	Tylosin tartrate 98%	Lọ, ống	0,5; 1 g	Trị nhiễm khuẩn đường hô hấp	ND-71
52	Naganin (Azidin, Veriben)	4,4-Dibenzamidine-Diaceturate	Lọ	1,18 g	Trị nguyên sinh động vật (Protozoa)	ND-72
53	TD.Doxy	Doxycyclin	Lọ	1g(20ml); 5g(100ml); 10g(250ml)	Trị viêm phổi, thương hàn, tiêu chảy, viêm khớp, viêm vú, viêm tử cung trên trâu, bò, lợn	ND-92
54	TD.Ceftiofur	Ceftiofur	Chai	10ml(0,5g); 20ml(1g); 50ml(2,5g); 80ml(4g); 100ml(5g)	Trị bệnh đường hô hấp trên trâu, bò, heo	ND-227
55	TD.Amo-Gen	Amoxycilline, Gentamicin	Chai	10ml(1,9g); 20ml (3,8g); 50ml(9,5g); 100ml (19g)	Trị viêm phổi, tiêu chảy, viêm ruột trên trâu, bò, ngựa, heo	ND-228

BẮC GIANG

30. Công ty TNHH thuốc thú y YAN WEN QING

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
1	Quá Nãi Khang (Xiao yan zhili guo Nai Kang)	Radix Angelicae Sinensis, Radix isatidis, Fructus liquidambaris, Ferrosi sulfate, Calcium carbonate, Khổ thảo	Túi	20; 50; 70; 100; 500g; 1kg	Phòng và trị hoàng ly, bạch ly, thiếu máu, thiếu sữa, tiêu viêm trên lợn	WYQ-1
2	Viêm ôn Thanh (Yan Wen Qing)	Xuyên tâm liên, Khổ thảo, Mộc hương, Tinh bột, Bản lan căn, Hoàng liên, Băng phiến, Enrofloxacin	Túi, viên	20; 50; 100; 200, 500g, 1kg 0,2g	Trị bệnh đường hô hấp, tiêu hóa trên gia cầm	WYQ-2
3	Vua trị ho, trị ly (Zhi Ke Zhi Li wang)	Fructus, Alumen, Calcium carbonate	Túi	20; 50;100; 500g; 1kg	Trị nhiễm trùng dạ dày, ruột trên trâu, bò, lợn	WYQ-3
4	Trị ho bổ phế (Qing Fei)	Bản lan căn, Đình lịch tử, Chiết bốc mẫu, Cát cảnh, Cam thảo.	Túi	20; 50; 100; 200; 500g; 1kg	Phòng trị viêm đường hô hấp, chứng ho hen, xuyễn, chảy nước mũi trên ngựa, trâu, bò, dê, lợn	WYQ-4
5	Trị cầu trùng gà (Jiqiungchong)	Thanh hao, Hà Thủ ô, Nhục quế, Tiên nhạn thảo, Bạch đầu ông	Túi	10; 50; 100; 200g	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên gia cầm	WYQ-5
6	Trị giun sán (Albendazuo)	Albendazol	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200; 500g	Phòng trị bệnh giun tròn, sán lá, sán giây	WYQ-6
7	Trị cầu trùng (Dikezhuli)	Diclazuril	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200g	Phòng và trị bệnh cầu trùng trên gia cầm	WYQ-7

TT	Tên thuốc	Hoạt chất chính	Dạng đóng gói	Thể tích/ Khối lượng	Công dụng chính	Số đăng ký
8	Trị ho - Trị khuẩn (Fubennikao)	Florfenicol	Túi, xô	5; 10; 20; 50; 100; 500g; 1kg	Phòng và trị bệnh trên gia cầm do vi khuẩn gây ra	WYQ-8
9	Trị ho - Trị khuẩn (Fubennikao 4%)	Florfenicol	Túi	5; 10; 20; 50; 100; 200;500g	Trị bệnh đường hô hấp do Actinobacillus pleuropneumoniae, Pasteurella multocida, Streptococcus suis, and Bordetella bronchiseptica trên heo	WYQ-9
10	Trị cầu trùng	Sulfaquinoxalin, Trimethoprim	Gói	20; 50; 100g	Trị cầu trùng trên gia cầm	WYQ-10
11	Thanh ôn bại độc tán	Thạch cao, Hoàng liên, Hoàng cầm, Tri mẫu, Cam thảo, Địa hoàng, Kỳ tử, Xích thược, Liên kiều, Đạm trúc diệp, Sừng trâu, Vỏ mẫu đơn, Huyền sâm, Cát cánh	Gói	50; 100g; 1kg	Trị tiêu chảy, giải độc trên trâu, bò, ngựa, dê, lợn, gia cầm	WYQ-11
12	Trị lỵ gà	Hùng hoàng, Mã vĩ liên, Ha tử, Hoắc hương, Hoàng bách, Mã xỉ hiện, Bạch đầu ông, Hoạt thạch	Gói	20; 50; 100g	Trị lỵ. thanh nhiệt, giải độc trên gia cầm	WYQ-12

(Xem tiếp Công báo số 267 + 268)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN
Điện thoại: 080.44597 - 04.38231182
Fax : 080.44517
Địa chỉ: 1 Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, HN
Email: congbaovpcp@cpt.gov.vn
In tại Xí nghiệp Bản đồ 1 - Bộ Quốc phòng

Giá: 10.000 đồng